

BẢNG SO SÁNH DỰ THẢO LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ (SỬA ĐỔI)

Lưu ý:

- Nội dung bổ sung mới: Định dạng *chữ in nghiêng*.
- Nội dung lược bỏ: Định dạng chữ gạch chân.
- Nội dung tại Dự thảo kèm theo Tờ trình số 363 bổ sung mới so với Luật GDĐT 2005 nhưng đã lược bỏ tại Dự thảo bản mới nhất: Định dạng *chữ in nghiêng, gạch chân*.

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG		Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Luật này quy định về giao dịch điện tử <u>trong hoạt động của các cơ quan nhà nước</u>; trong lĩnh vực dân sự, kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực khác do pháp luật quy định.</p> <p><u>Các quy định của Luật này không áp dụng đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các bất động sản khác, văn bản về thừa kế, giấy đăng ký kết hôn, quyết định ly hôn, giấy khai sinh, giấy khai tử, hồi phiếu và các giấy tờ có giá khác.</u></p>	Sửa đổi	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Luật này quy định về giao dịch <u>điện tử và thành phần cơ bản, biện pháp bảo đảm, chính sách thúc đẩy giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân</u> trong lĩnh vực dân sự, kinh doanh, thương mại, hành chính và các lĩnh vực khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Luật này không quy định về nội dung của giao dịch. <u>Luật khác quy định giao dịch không thực hiện bằng phương tiện điện tử thì tuân thủ theo quy định của Luật đó.</u></p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Luật này quy định <i>việc thực hiện</i> giao dịch bằng phương tiện điện tử.</p> <p>2. Luật này không quy định về nội dung, điều kiện, hình thức của giao dịch. <i>Trường hợp</i> Luật khác không quy định thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử thì tuân thủ theo quy định của Luật đó.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân lựa chọn giao dịch bằng phương tiện điện tử.</p>	Sửa đổi	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân <i>thực hiện</i> giao dịch điện tử.</p>	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân <i>trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến</i> giao dịch điện tử.</p>
<p>Điều 3. Áp dụng Luật giao dịch điện tử <u>Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật giao dịch điện tử với quy định của luật khác về cùng một vấn đề liên quan đến giao dịch điện tử thì áp dụng quy định của Luật giao dịch điện tử.</u></p>	Lược bỏ		
<p>Điều 4. Giải thích từ ngữ</p> <p><u>1. Chứng thư điện tử là thông điệp dữ liệu do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử phát hành nhằm xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân được chứng thực là người ký chữ ký điện tử.</u></p>	Sửa đổi	<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p><i>7. Chứng thư chữ ký điện tử là thông điệp dữ liệu nhằm xác nhận mối liên quan giữa chữ ký điện tử với chủ thể ký. Đối với chữ ký số thì chứng thư chữ ký điện tử được gọi là chứng thư chữ ký số.</i></p> <p><i>8. Chứng thư điện tử là thông điệp dữ liệu được phát hành bởi cơ quan, tổ chức dưới</i></p>	<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p><i>6. Chứng thư chữ ký điện tử là thông điệp dữ liệu nhằm xác nhận mối liên quan giữa chữ ký điện tử với chủ thể ký. Đối với chữ ký số thì chứng thư chữ ký điện tử được gọi là chứng thư chữ ký số.</i></p> <p><i>9. Chứng thư điện tử là giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận,</i></p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>2. Chứng thực chữ ký điện tử là việc xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân được chứng thực là người ký chữ ký điện tử.</p> <p>3. Chương trình ký điện tử là chương trình máy tính được thiết lập để hoạt động độc lập hoặc thông qua thiết bị, hệ thống thông tin, chương trình máy tính khác nhằm tạo ra một chữ ký điện tử đặc trưng cho người ký thông điệp dữ liệu.</p> <p>4. Cơ sở dữ liệu là tập hợp các dữ liệu được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử.</p> <p>5. Dữ liệu là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự.</p> <p>6. Giao dịch điện tử là giao dịch được thực hiện bằng phương tiện điện tử.</p> <p>7. Giao dịch điện tử tự động là giao dịch</p>		<p><i>dạng kết quả giải quyết thủ tục hành chính, văn bằng, chứng nhận, chứng chỉ, văn bản chấp thuận, văn bản xác nhận hoặc các hình thức tương tự khác ở dạng điện tử.</i></p> <p>15. Cơ sở dữ liệu là tập hợp các dữ liệu được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử.</p> <p>12. Dữ liệu là <u>thông tin dưới dạng</u> ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự.</p> <p>1. Giao dịch điện tử là giao dịch được thực hiện bằng phương tiện điện tử.</p> <p>2. Giao dịch điện tử tự động là giao dịch điện</p>	<p><i>chấp thuận khác do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phát hành dưới dạng thông điệp dữ liệu.</i></p> <p>10. Cơ sở dữ liệu là tập hợp các dữ liệu được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử.</p> <p>12. Dữ liệu là ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự <i>khác có chứa đựng thông tin.</i></p> <p>15. Giao dịch điện tử là giao dịch được thực hiện bằng phương tiện điện tử.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>điện tử được thực hiện tự động từng phần hoặc toàn bộ <u>thông qua hệ thống thông tin đã được thiết lập sẵn.</u></p> <p><u>8. Hệ thống thông tin là hệ thống được tạo lập để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các xử lý khác đối với thông điệp dữ liệu.</u></p> <p>9. Người trung gian là cơ quan, tổ chức, cá nhân đại diện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc gửi, nhận hoặc lưu trữ một thông điệp dữ liệu hoặc cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến thông điệp dữ liệu đó.</p> <p>10. Phương tiện điện tử là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự.</p>		<p>tử được thực hiện tự động từng phần hoặc toàn bộ.</p> <p>11. Người trung gian là cơ quan, tổ chức, cá nhân đại diện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc gửi, nhận hoặc lưu trữ một thông điệp dữ liệu hoặc cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến thông điệp dữ liệu đó.</p> <p>4. Phương tiện điện tử là <i>phần cứng, phần mềm, hệ thống thông tin hoặc phương tiện khác</i> hoạt động dựa trên <i>công nghệ thông tin</i>, công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ <i>khác</i> tương tự.</p>	<p>17. Người trung gian là cơ quan, tổ chức, cá nhân đại diện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc gửi, nhận hoặc lưu trữ một thông điệp dữ liệu hoặc cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến thông điệp dữ liệu đó.</p> <p>19. Phương tiện điện tử là phần cứng, phần mềm, hệ thống thông tin hoặc phương tiện khác hoạt động dựa trên công nghệ thông tin, công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ khác tương tự.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>11. Quy trình kiểm tra an toàn là quy trình được sử dụng để kiểm chứng nguồn gốc của thông điệp dữ liệu, chữ ký điện tử, phát hiện các thay đổi hoặc lỗi xuất hiện trong nội dung của một thông điệp dữ liệu trong quá trình truyền, nhận và lưu trữ.</u></p> <p>12. Thông điệp dữ liệu là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử.</p> <p><u>13. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử là tổ chức thực hiện hoạt động chứng thực chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>14. Tổ chức cung cấp dịch vụ mạng là tổ chức cung cấp hạ tầng đường truyền và các dịch vụ khác có liên quan để thực hiện giao dịch điện tử. Tổ chức cung cấp dịch vụ mạng bao gồm tổ chức cung cấp dịch vụ kết nối Internet, tổ chức cung cấp</u></p>		<p>3. Thông điệp dữ liệu là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận <u>và</u> được lưu trữ bằng phương tiện điện tử.</p>	<p>20. Thông điệp dữ liệu là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận, được lưu trữ bằng phương tiện điện tử.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>dịch vụ Internet và tổ chức cung cấp dịch vụ truy cập mạng.</u></p> <p>15. Trao đổi dữ liệu điện tử (<u>EDI – electronic data interchange</u>) là sự chuyển <u>thông tin từ máy tính này sang máy tính khác</u> bằng phương tiện điện tử theo một tiêu chuẩn đã được thoả thuận về cấu trúc thông tin.</p>		<p>17. Trao đổi dữ liệu điện tử là <i>hoạt động trao đổi dữ liệu</i> bằng phương tiện điện tử theo một tiêu chuẩn đã được thoả thuận về cấu trúc thông tin.</p> <p>5. <i>Chữ ký điện tử được tạo lập dưới dạng từ, chữ, số, ký hiệu, âm thanh hoặc các hình thức khác bằng phương tiện điện tử, gắn liền hoặc kết hợp một cách lô gíc với thông điệp dữ liệu, có khả năng xác nhận chủ thể ký thông điệp dữ liệu và xác nhận sự chấp thuận của chủ thể đó đối với nội dung thông điệp dữ liệu được ký.</i></p>	<p>21. Trao đổi dữ liệu điện tử là hoạt động trao đổi dữ liệu bằng phương tiện điện tử theo một tiêu chuẩn đã được thoả thuận về cấu trúc thông tin.</p> <p>1. Chữ ký điện tử là <i>chữ ký</i> được tạo lập dưới dạng từ, chữ, số, ký hiệu, âm thanh hoặc các hình thức khác bằng phương tiện điện tử, gắn liền hoặc kết hợp một cách lô gíc với thông điệp dữ liệu, có khả năng xác nhận chủ thể ký thông điệp dữ liệu và xác nhận sự chấp thuận của chủ thể đó đối với nội dung thông điệp dữ liệu được ký.</p> <p>2. <i>Chữ ký điện tử dùng riêng là chữ ký điện tử đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật này. Chữ ký điện tử dùng riêng do cơ quan, tổ chức tạo lập, sử dụng trong nội bộ của cơ quan, tổ chức đó hoặc trong hoạt động chuyên ngành, lĩnh vực được liên kết với nhau thông qua điều lệ hoạt động hoặc văn</i></p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><u>6. Chữ ký số là một dạng chữ ký điện tử được tạo ra bằng sự biến đổi một thông điệp dữ liệu sử dụng hệ thống mật mã không đối xứng, theo đó, người có được thông điệp dữ liệu ban đầu và khóa công khai của người ký có thể xác định được chính xác:</u></p> <p><u>a) Việc biến đổi nêu trên được tạo ra bằng đúng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai trong cùng một cặp khóa;</u></p> <p><u>b) Sự toàn vẹn nội dung của thông điệp dữ liệu kể từ khi thực hiện việc biến đổi nêu trên.</u></p>	<p><i>bản quy phạm pháp luật quy định cơ cấu tổ chức và không nhằm mục đích kinh doanh.</i></p> <p>3. Chữ ký số là một dạng chữ ký điện tử đảm bảo an toàn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 24 Luật này.</p> <p>4. Chữ ký số chuyên dùng công vụ là chữ ký số được sử dụng trong hoạt động công vụ và được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ.</p> <p>5. Chữ ký số công cộng là chữ ký số được sử</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p>9. <u>Dấu thời gian là dữ liệu ở dạng điện tử gắn với thông điệp dữ liệu vào một thời điểm cụ thể, thiết lập bằng chứng cho thấy thông điệp dữ liệu tồn tại tại thời điểm đó.</u></p> <p>10. <u>Hợp đồng điện tử là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu.</u></p> <p>13. <u>Dữ liệu số là dữ liệu được lưu trữ, xử lý</u></p>	<p>dụng trong hoạt động của các tổ chức, cá nhân không thuộc hoạt động công vụ và được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký số công cộng;</p> <p>7. Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ là chứng thư chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cấp.</p> <p>8. Chứng thư chữ ký số công cộng là chứng thư chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp.</p> <p>11. Dấu thời gian là dữ liệu ở dạng điện tử gắn với thông điệp dữ liệu cho phép xác định thời gian của thông điệp dữ liệu đó tồn tại ở một thời điểm cụ thể.</p> <p>16. Hợp đồng điện tử là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu.</p> <p>13. Dữ liệu số là dữ liệu được lưu trữ, xử lý</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><i>bằng phương tiện điện tử.</i></p> <p><i>14. Dữ liệu chủ là dữ liệu chứa thông tin gốc và thông tin cơ bản nhất làm cơ sở để tham chiếu, đồng bộ giữa các hệ thống khác nhau.</i></p> <p><i>16. Xử lý dữ liệu là một hoặc nhiều hành động tác động tới dữ liệu hoặc thông điệp dữ liệu như thu thập, ghi, phân tích, lưu trữ, chỉnh sửa, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu hoặc các hành động khác có liên quan.</i></p> <p><i>18. Môi trường điện tử là môi trường trong đó thông tin được tạo lập, cung cấp, trao đổi, thu thập, xử lý, lưu trữ thông qua mạng Internet, mạng máy tính, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.</i></p> <p><i>19. Nền tảng số là hệ thống thông tin tạo môi trường mạng cho phép các bên thực hiện giao dịch hoặc cung cấp sản phẩm, hàng</i></p>	<p>bằng phương tiện điện tử.</p> <p>14. Dữ liệu chủ là dữ liệu chứa thông tin cơ bản nhất để mô tả một đối tượng cụ thể, làm cơ sở để tham chiếu đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu.</p> <p>22. Xử lý dữ liệu là một hoặc nhiều hành động tác động tới dữ liệu hoặc thông điệp dữ liệu như thu thập, ghi, phân tích, lưu trữ, chỉnh sửa, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu hoặc các hành động khác có liên quan.</p> <p>18. Môi trường điện tử là môi trường trong đó thông tin được tạo lập, cung cấp, trao đổi, thu thập, xử lý, lưu trữ thông qua mạng Internet, mạng máy tính, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><u>hóa, dịch vụ. Nền tảng số bao gồm nền tảng số trung gian và các nền tảng số khác.</u></p> <p><u>20. Nền tảng số trung gian là nền tảng số cho phép chủ quản nền tảng số và các bên khác thực hiện một phần hoặc toàn bộ quá trình giao dịch hoặc cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.</u></p>	
<p>Điều 5. Nguyên tắc chung tiến hành giao dịch điện tử</p> <p>1. Tự nguyện lựa chọn sử dụng phương tiện điện tử để thực hiện giao dịch.</p> <p>2. Tự thỏa thuận về việc lựa chọn loại công nghệ để thực hiện giao dịch <u>điện tử</u>.</p> <p>3. Không một loại công nghệ nào được xem là duy nhất trong giao dịch <u>điện tử</u>.</p>	<p>Sửa đổi</p>	<p>Điều 4. Nguyên tắc chung tiến hành giao dịch điện tử</p> <p><u>1. Việc thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử tuân thủ quy định của luật này có giá trị như các phương thức giao dịch khác theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>2. Tự nguyện lựa chọn sử dụng phương tiện điện tử để thực hiện giao dịch <i>trừ trường hợp pháp luật có quy định khác</i>.</p> <p>3. Tự thỏa thuận về việc lựa chọn loại công nghệ để thực hiện giao dịch. Không một loại công nghệ nào được xem là duy nhất trong giao dịch.</p>	<p>Điều 4. Nguyên tắc chung tiến hành giao dịch điện tử</p> <p><i>1. Tuân thủ quy định của luật này, pháp luật khác có liên quan.</i></p> <p>2. Tự nguyện lựa chọn sử dụng phương tiện điện tử, <i>chữ ký điện tử</i> để thực hiện giao dịch, <i>trừ trường hợp pháp luật có quy định khác</i>.</p> <p>3. Tự thỏa thuận về việc lựa chọn loại công nghệ để thực hiện giao dịch <i>điện tử</i>. Không một loại công nghệ nào được xem là duy nhất trong giao dịch điện tử.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>4. Bảo đảm sự bình đẳng và an toàn trong giao dịch điện tử.</u></p> <p><u>5. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng.</u></p> <p><u>6. Giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 40 của Luật này.</u></p>		<p><u>4. Tuân thủ các quy định của pháp luật dân sự, pháp luật an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và pháp luật khác có liên quan đến giao dịch điện tử.</u></p> <p><u>5. Giao dịch điện tử phải được tối ưu hóa quy trình, thời gian xử lý ngắn hơn, chi phí thực hiện thấp hơn so với các phương thức giao dịch khác.</u></p>	<p>4. Tối ưu hóa quy trình, thời gian xử lý ngắn hơn, thuận tiện hơn so với các phương thức giao dịch khác.</p>
<p>Điều 6. Chính sách phát triển và ứng dụng giao dịch điện tử</p>	<p>Sửa đổi</p>	<p>Điều 5. Chính sách phát triển giao dịch điện tử</p>	<p>Điều 5. Chính sách phát triển giao dịch điện tử <i>Trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi</i></p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>1. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực liên quan đến giao dịch điện tử.</p> <p><u>2. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư và ứng dụng giao dịch điện tử theo quy định của Luật này.</u></p> <p><u>3. Hỗ trợ đối với giao dịch điện tử trong dịch vụ công.</u></p> <p><u>4. Đẩy mạnh việc triển khai thương mại điện tử, giao dịch bằng phương tiện điện tử và tin học hóa hoạt động của cơ quan nhà nước.</u></p>		<p>1. Phát triển giao dịch điện tử toàn diện, toàn trình để có thể thực hiện trọn vẹn từ đầu đến cuối quy trình bằng phương tiện điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số, <u>Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.</u></p> <p>2. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ, <i>phát triển và ứng dụng các công nghệ mới</i>, đào tạo nguồn nhân lực <i>trong</i> giao dịch điện tử.</p>	<p><i>tiết biện pháp để thực hiện các chính sách sau:</i></p> <p>1. Phát triển giao dịch điện tử toàn diện, toàn trình để có thể thực hiện trọn vẹn từ đầu đến cuối quy trình bằng phương tiện điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số.</p> <p>2. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ, phát triển và ứng dụng các công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực trong giao dịch điện tử.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		3. Áp dụng đồng bộ cơ chế, các biện pháp khuyến khích ưu đãi tạo điều kiện thúc đẩy sử dụng và phát triển giao dịch điện tử.	3. Áp dụng đồng bộ cơ chế, các biện pháp khuyến khích ưu đãi tạo điều kiện thúc đẩy sử dụng và phát triển giao dịch điện tử.
<p>Điều 7. Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử</p> <p>1. Ban hành, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển, ứng dụng giao dịch điện tử trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.</p> <p>2. Ban hành, tuyên truyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>3. Ban hành, công nhận các tiêu chuẩn trong giao dịch điện tử.</p> <p>4. Quản lý các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến giao dịch điện tử.</p> <p>5. Quản lý phát triển hạ tầng công nghệ cho hoạt động giao dịch điện tử.</p>	Sửa đổi	<p>Điều 6. Nội dung quản lý nhà nước về giao dịch điện tử</p> <p>1. Ban hành, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển, <u>ứng dụng</u> giao dịch điện tử.</p> <p>2. Ban hành, tuyên truyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>3. Xây dựng, ban hành, công nhận các tiêu chuẩn, <u>quy chuẩn, chất lượng, định mức kinh tế, kỹ thuật</u> trong giao dịch điện tử.</p> <p>4. Quản lý <u>hoạt động cung cấp và dịch vụ tin cậy</u> trong giao dịch điện tử.</p> <p>5. <u>Quản lý, thúc đẩy phát triển và giám sát các hệ thống thông tin phục vụ giao dịch</u></p>	<p>Điều 6. Nội dung quản lý nhà nước về giao dịch điện tử</p> <p>1. Ban hành, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển giao dịch điện tử.</p> <p>2. Ban hành, tuyên truyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>3. Xây dựng, ban hành, công nhận các tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, định mức kinh tế, kỹ thuật trong giao dịch điện tử.</p> <p>4. Quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ tin cậy trong giao dịch điện tử.</p> <p>5. Quản lý, thúc đẩy phát triển, giám sát hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử, đo</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>6. Tổ chức, quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực giao dịch điện tử.</p> <p>7. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về giao dịch điện tử; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>8. Quản lý và thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về giao dịch điện tử.</p>		<p><i>điện tử, đo lường, thống kê hoạt động giao dịch điện tử.</i></p> <p><u>6. Quản lý an toàn thông tin mạng và an toàn dữ liệu trong giao dịch điện tử.</u></p> <p>7. Tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng, <i>phát triển nguồn nhân lực</i>, xây dựng đội ngũ cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực giao dịch điện tử.</p> <p>8. Thanh tra, kiểm tra, <i>giám sát</i> việc thực hiện pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>9. Quản lý và thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về giao dịch điện tử.</p>	<p>lường, thống kê hoạt động giao dịch điện tử.</p> <p>6. Tổ chức <i>quản lý</i> công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực giao dịch điện tử.</p> <p>7. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>8. Quản lý và thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về giao dịch điện tử.</p>
<p>Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử</p> <p>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về <u>hoạt động</u> giao dịch điện tử.</p> <p><u>2. Bộ Bưu chính, Viễn thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên</u></p>	Sửa đổi	<p>Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử</p> <p>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Bộ Thông tin và Truyền thông <u>giúp</u> Chính phủ <u>thống nhất</u> quản lý nhà nước <u>đối với</u> giao dịch điện tử theo quy định tại Luật này.</p>	<p>Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giao dịch điện tử</p> <p>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Bộ Thông tin và Truyền thông <i>chịu trách nhiệm trước</i> Chính phủ trong việc chủ trì, <i>phối hợp</i> với các Bộ, ngành có liên quan thực</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>quan thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử.</u></p> <p>3. Bộ, cơ quan ngang bộ <u>trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử.</u></p> <p>4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố <u>trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử tại địa phương.</u></p>		<p>3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương <u>thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử trong lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</u></p> <p>4. Cơ quan thuộc Chính phủ <u>quản lý về giao dịch điện tử trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</u></p>	<p><i>hiện</i> quản lý nhà nước về giao dịch điện tử theo quy định của Luật này.</p> <p>3. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử trong lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn <i>được phân công</i>.</p>
<p>Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm trong giao dịch điện tử</p> <p><u>1. Cản trở việc lựa chọn sử dụng giao dịch điện tử.</u></p>	Sửa đổi	<p>Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm trong giao dịch điện tử</p> <p><u>1. Cản trở hoạt động hợp pháp hoặc hỗ trợ hoạt động bất hợp pháp về giao dịch điện tử.</u></p> <p>2. Lợi dụng giao dịch điện tử gây phương hại đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh,</p>	<p>Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm trong giao dịch điện tử</p> <p>7. Cản trở việc lựa chọn sử dụng giao dịch điện tử.</p> <p>1. Lợi dụng giao dịch điện tử gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội,</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>2. Cản trở hoặc ngăn chặn trái phép quá trình truyền, gửi, nhận thông điệp dữ liệu.</p> <p>3. Thay đổi, xoá, huỷ, giả mạo, sao chép, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ thông điệp dữ liệu.</p> <p>4. Tạo ra hoặc phát tán chương trình</p>		<p><i>quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.</i></p> <p><i>3. <u>Làm rối loạn, thay đổi, phá hoại hệ thống điều hành hoặc có hành vi khác nhằm phá hoại, xâm phạm hạ tầng công nghệ, hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử.</u></i></p> <p><i>4. <u>Cản trở hoặc ngăn chặn trái phép quá trình tạo lập, truyền, gửi, nhận, lưu trữ thông điệp dữ liệu.</u></i></p> <p><i>5. <u>Thu thập, cung cấp, sử dụng, phát tán, kinh doanh, cung cấp thông điệp dữ liệu trái pháp luật.</u></i></p> <p><i>6. <u>Thay đổi, xoá, huỷ, giả mạo, sao chép, tiết lộ, hiển thị, làm sai lệch, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ thông điệp dữ liệu.</u></i></p>	<p>quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.</p> <p>2. <i>Cản trở hoặc ngăn chặn trái pháp luật quá trình tạo lập, truyền, gửi, nhận, lưu trữ thông điệp dữ liệu hoặc có hành vi khác nhằm phá hoại hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử.</i></p> <p>3. Thu thập, cung cấp, sử dụng, tiết lộ, hiển thị, phát tán, kinh doanh trái pháp luật thông điệp dữ liệu.</p> <p>4. Xoá, huỷ, giả mạo, sao chép, làm sai lệch, di chuyển trái pháp luật một phần hoặc toàn bộ thông điệp dữ liệu.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại hệ thống điều hành hoặc có hành vi khác nhằm phá hoại hạ tầng công nghệ về giao dịch điện tử.</u></p> <p>5. Tạo ra thông điệp dữ liệu nhằm thực hiện hành vi trái pháp luật.</p> <p>6. Gian lận, mạo nhận, chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép chữ ký điện tử của <u>người khác.</u></p>		<p>3. <u>Tổ chức</u>, tạo ra thông điệp dữ liệu nhằm thực hiện hành vi trái pháp luật.</p> <p>8. Gian lận, mạo nhận, chiếm đoạt hoặc sử dụng <u>trái phép tài khoản giao dịch điện tử, chữ ký điện tử, chứng thư điện tử của tổ chức, cá nhân khác.</u></p>	<p>5. Tạo ra thông điệp dữ liệu nhằm thực hiện hành vi trái pháp luật.</p> <p>6. Gian lận, mạo nhận, chiếm đoạt hoặc sử dụng <u>trái pháp luật tài khoản giao dịch điện tử, chứng thư điện tử, chứng thư chữ ký điện tử, chữ ký điện tử.</u></p>
Chương II THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU		Chương II THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU	Chương II THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU
Mục 1 GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CỦA THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU		Mục 1 GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CỦA THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU	Mục 1 GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CỦA THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU
<p>Điều 10. Hình thức thể hiện thông điệp dữ liệu</p> <p>Thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác.</p>	Sửa đổi	<p>Điều 9. Hình thức thể hiện của thông điệp dữ liệu</p> <p>1. Thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, <i>văn bản điện tử, tài liệu điện tử, chứng thư điện tử, chứng từ điện tử, hợp đồng điện tử</i>, thư điện</p>	<p>Điều 9. Hình thức thể hiện của thông điệp dữ liệu</p> <p>1. Thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, văn bản điện tử, tài liệu điện tử, chứng thư điện tử, chứng từ điện tử, hợp đồng điện tử, thư điện tử, điện</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p>tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức <u>tương tự khác</u>.</p> <p>2. <i>Thông điệp dữ liệu có thể được tạo lập, phát sinh trong quá trình giao dịch hoặc được số hoá từ bản giấy.</i></p>	<p>tín, điện báo, fax và các hình thức khác <i>theo quy định pháp luật</i>.</p> <p>2. Thông điệp dữ liệu có thể được tạo lập, phát sinh trong quá trình giao dịch hoặc được số hoá từ bản giấy.</p>
<p>Điều 11. Giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu</p> <p>Thông tin trong thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.</p>	<p>Sửa đổi</p>	<p>Điều 10. Giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu</p> <p>1. Thông tin trong thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.</p> <p>2. <i>Thông tin trong thông điệp dữ liệu tuân thủ quy định của Luật này có giá trị pháp lý như thông tin trong văn bản hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật</i></p>	<p>Điều 10. Giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu</p> <p>Thông tin trong thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.</p>
<p>Điều 12. Thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản</p> <p>Trường hợp pháp luật yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu này nếu thông tin chứa trong</p>	<p>Sửa đổi</p>	<p>Điều 11. Thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản</p> <p>1. Trường hợp pháp luật yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu này nếu thông tin chứa trong thông điệp dữ</p>	<p>Điều 11. Giá trị như văn bản của thông điệp dữ liệu</p> <p>Trường hợp pháp luật yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu này nếu thông tin chứa trong thông điệp dữ liệu đó có</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>thông điệp dữ liệu đó có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu khi cần thiết.</p>		<p>liệu đó có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu khi cần thiết.</p> <p><i>2. Trường hợp pháp luật yêu cầu văn bản phải được chứng thực thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu nếu được chứng thực bởi tổ chức, cá nhân khởi tạo thông điệp dữ liệu hoặc một tổ chức được cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu.</i></p> <p><i>3. Trường hợp pháp luật yêu cầu văn bản phải được công chứng thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật về công chứng.</i></p>	<p>thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu khi cần thiết.</p> <p>Trường hợp pháp luật yêu cầu văn bản phải được công chứng, chứng thực thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu nếu được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực.</p>
<p>Điều 13. Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc</p> <p>Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc khi đáp ứng được các điều kiện sau đây:</p> <p>1. Nội dung của thông điệp dữ liệu được bảo đảm toàn vẹn kể từ khi được khởi tạo lần đầu tiên dưới dạng một thông điệp dữ liệu hoàn chỉnh.</p>	<p>Sửa đổi</p>	<p><u>Điều 12. Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc</u></p> <p>Thông điệp dữ liệu được sử dụng và có giá trị như bản gốc khi đáp ứng được <u>đồng thời</u> các điều kiện sau đây:</p> <p>1. Nội dung của thông điệp dữ liệu được bảo đảm nguyên vẹn kể từ khi được khởi tạo lần đầu tiên dưới dạng một thông điệp dữ liệu</p>	<p><i>Điều 12. Giá trị như bản gốc của thông điệp dữ liệu</i></p> <p>Thông điệp dữ liệu được sử dụng và có giá trị như bản gốc khi đáp ứng được các điều kiện sau đây:</p> <p>1. Nội dung của thông điệp dữ liệu được bảo đảm nguyên vẹn kể từ khi được khởi tạo lần đầu tiên dưới dạng một thông điệp dữ liệu</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>Nội dung của thông điệp dữ liệu được xem là <u>toàn vẹn</u> khi nội dung đó chưa bị thay đổi, trừ những thay đổi về hình thức phát sinh trong quá trình gửi, lưu trữ hoặc hiển thị thông điệp dữ liệu.</p> <p>2. Nội dung của thông điệp dữ liệu có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết.</p>		<p>hoàn chỉnh.</p> <p>Nội dung của thông điệp dữ liệu được xem là <i>nguyên vẹn</i> khi nội dung đó chưa bị thay đổi, trừ những thay đổi về hình thức phát sinh trong quá trình gửi, lưu trữ hoặc hiển thị thông điệp dữ liệu.</p> <p>2. Nội dung của thông điệp dữ liệu có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết.</p>	<p>hoàn chỉnh.</p> <p>Nội dung của thông điệp dữ liệu được xem là nguyên vẹn khi nội dung đó chưa bị thay đổi, trừ những thay đổi về hình thức phát sinh trong quá trình gửi, lưu trữ hoặc hiển thị thông điệp dữ liệu.</p> <p>2. Nội dung của thông điệp dữ liệu có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết.</p>
<p>Điều 14. Thông điệp dữ liệu có giá trị làm chứng cứ</p> <p>1. Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị dùng làm chứng cứ chỉ vì đó là một thông điệp dữ liệu.</p> <p>2. Giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu được xác định căn cứ vào độ tin cậy của cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi thông điệp dữ liệu; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác.</p>	<p>Sửa đổi</p>	<p><u>Điều 13. Thông điệp có giá trị làm chứng cứ</u></p> <p>1. Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị dùng làm chứng cứ chỉ vì đó là một thông điệp dữ liệu.</p> <p>2. Giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu được xác định căn cứ vào độ tin cậy của cách thức khởi tạo, gửi, nhận hoặc lưu trữ thông điệp dữ liệu; cách thức bảo đảm và duy trì tính nguyên vẹn của thông điệp dữ liệu; cách thức xác định người khởi tạo, gửi, nhận thông điệp dữ liệu và các yếu tố phù hợp</p>	<p><i>Điều 13. Giá trị dùng làm chứng cứ của thông điệp dữ liệu</i></p> <p>1. Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị dùng làm chứng cứ chỉ vì đó là một thông điệp dữ liệu.</p> <p>2. Giá trị <i>dùng làm</i> chứng cứ của thông điệp dữ liệu được xác định căn cứ vào độ tin cậy của cách thức khởi tạo, gửi, nhận hoặc lưu trữ thông điệp dữ liệu; cách thức bảo đảm và duy trì tính nguyên vẹn của thông điệp dữ liệu; cách thức xác định người khởi tạo, gửi, nhận thông điệp dữ liệu và các yếu tố phù hợp khác.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		khác.	3. Thông điệp dữ liệu được dùng làm chứng cứ theo quy định của pháp luật về tố tụng.
	Bổ sung mới	<p>Điều 14. Chuyển đổi hình thức giữa văn bản giấy và thông điệp dữ liệu</p> <p><u>1. Chuyển đổi hình thức từ văn bản giấy sang thông điệp dữ liệu</u></p> <p><u>Thông điệp dữ liệu có được từ việc số hoá các văn bản giấy có giá trị như bản gốc văn bản giấy nếu đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:</u></p> <p><u>a) Việc chuyển đổi được thực hiện bởi cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hành bản gốc, hoặc cơ quan, tổ chức đang quản lý số gốc văn bản giấy hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính theo quy định của pháp luật, hoặc cơ quan, tổ chức có giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu;</u></p> <p><u>b) Nội dung thông tin trong thông điệp dữ liệu được bảo đảm nguyên vẹn như trong bản gốc văn bản giấy;</u></p> <p><u>c) Nội dung của thông điệp dữ liệu có thể</u></p>	<p>Điều 14. Chuyển đổi hình thức giữa văn bản giấy và thông điệp dữ liệu</p> <p>1. Thông điệp dữ liệu được chuyển đổi từ văn bản giấy có giá trị như văn bản giấy, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác. Việc chuyển đổi từ văn bản giấy sang thông điệp dữ liệu phải đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a) Nội dung thông tin của thông điệp dữ liệu được bảo đảm nguyên vẹn như văn bản giấy;</p> <p>b) Nội dung thông tin của thông điệp dữ liệu</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><i>truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh <u>khí cần thiết</u>;</i></p> <p><i>d) Trong thông điệp dữ liệu đã bổ sung thêm <u>thông tin khẳng định việc chuyển đổi hình thức từ bản giấy sang thông điệp dữ liệu và thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện việc chuyển đổi</u>;</i></p> <p><i>đ) Trường hợp <u>bản gốc là văn bản giấy có chữ ký thì thông điệp dữ liệu phải có chữ ký số theo quy định tại Luật này của tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi</u>.</i></p> <p><i><u>2. Chuyển đổi hình thức từ thông điệp dữ liệu sang văn bản giấy</u></i></p> <p><i><u>Văn bản giấy có được thông qua việc chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc thông điệp dữ liệu nếu đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:</u></i></p> <p><i>a) Việc chuyển đổi thông điệp dữ liệu sang <u>văn bản giấy được thực hiện bởi tổ chức, cá nhân khởi tạo thông điệp dữ liệu hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu</u>;</i></p>	<p><i>có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh;</i></p> <p><i>c) Có bằng chứng khẳng định việc chuyển đổi từ bản giấy sang thông điệp dữ liệu và thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện việc chuyển đổi;</i></p> <p><i>d) Trường hợp văn bản giấy có chữ ký, con dấu (nếu có) thì thông điệp dữ liệu phải có chữ ký điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi theo quy định của Luật này.</i></p> <p><i>2. Văn bản giấy được chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu có giá trị như thông điệp dữ liệu, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác. Việc chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu sang văn bản giấy phải đáp ứng các yêu cầu sau:</i></p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p>b) Nội dung thông tin trong văn bản giấy chuyển đổi được bảo đảm nguyên vẹn như trong bản gốc thông điệp dữ liệu được chuyển đổi;</p> <p>c) Có thông tin để xác định được hệ thống thông tin và chủ quản hệ thống thông tin tạo lập, gửi, nhận, lưu trữ thông điệp dữ liệu gốc để tra cứu <u>khi cần thiết</u>;</p> <p><u>d) Trong văn bản giấy chuyển đổi đã bổ sung thêm thông tin khẳng định việc chuyển đổi hình thức từ thông điệp dữ liệu sang bản giấy và thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện việc chuyển đổi để tra cứu khi cần thiết</u>;</p> <p>đ) Trường hợp bản gốc là thông điệp dữ liệu có chữ ký <u>số</u> thì văn bản giấy chuyển đổi phải có chữ ký, con dấu của tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi.</p> <p><u>3. Chuyển đổi hình thức từ văn bản giấy sang chứng thư điện tử</u> <u>Chứng thư điện tử có được từ việc số hoá các văn bản giấy kết quả giải quyết thủ tục hành chính, văn bằng, chứng nhận, chứng</u></p>	<p>a) Nội dung thông tin trong văn bản giấy chuyển đổi được bảo đảm nguyên vẹn như văn bản của thông điệp dữ liệu được chuyển đổi;</p> <p>b) Có thông tin để xác định được hệ thống thông tin và chủ quản hệ thống thông tin tạo lập, gửi, nhận, lưu trữ thông điệp dữ liệu gốc để tra cứu;</p> <p>c) Có bằng chứng khẳng định việc chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu sang văn bản giấy và thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện việc chuyển đổi;</p> <p>d) Trường hợp bản gốc là thông điệp dữ liệu có chữ ký <u>điện tử</u> thì văn bản giấy chuyển đổi phải có chữ ký, con dấu (<u>nếu có</u>) của tổ chức, cá nhân thực hiện việc chuyển đổi.</p> <p>3. Chứng thư điện tử được chuyển đổi từ văn bản giấy có giá trị như văn bản giấy, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác. Việc chuyển đổi từ văn bản giấy sang chứng thư điện tử phải đáp ứng các yêu</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><u>chỉ, văn bản chấp thuận, văn bản xác nhận hoặc các hình thức tương tự khác có giá trị như bản gốc văn bản giấy nếu đáp ứng đồng thời các điều kiện:</u></p> <p>a) <u>Việc chuyển đổi được thực hiện và chứng thực bởi: cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hành bản gốc, hoặc cơ quan, tổ chức đang quản lý số gốc văn bản giấy, hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính theo quy định pháp luật;</u></p> <p>b) <u>Đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 Điều này;</u></p> <p>c) <u>Có chữ ký số theo quy định tại Luật này của cơ quan, tổ chức thực hiện chuyển đổi.</u></p> <p><u>4. Chuyển đổi hình thức từ chứng thư điện tử sang văn bản giấy</u></p> <p><u>Văn bản giấy có được thông qua việc chuyển đổi từ chứng thư điện tử có giá trị như bản gốc chứng thư điện tử nếu đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:</u></p> <p>a) <u>Việc chuyển đổi được thực hiện bởi tổ chức phát hành bản gốc chứng thư điện tử hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền</u></p>	<p><u>câu sau:</u></p> <p>a) Đáp ứng các yêu cầu quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Có chữ ký số của cơ quan, tổ chức thực hiện việc chuyển đổi.</p> <p><u>4. Văn bản giấy được chuyển đổi từ chứng thư điện tử có giá trị như chứng thư điện tử, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác. Việc chuyển đổi từ chứng thư điện tử sang văn bản giấy phải đáp ứng các yêu cầu sau:</u></p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><i>chứng thực bản sao từ bản chính theo quy định pháp luật hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu được cấp phép;</i></p> <p><i>b) Đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều này;</i></p> <p><i>c) Có ký và đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện việc chuyển đổi.</i></p>	<p>a) Đáp ứng các yêu cầu quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có chữ ký, con dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện việc chuyển đổi.</p>
<p>Điều 15. Lưu trữ thông điệp dữ liệu</p> <p>1. Trường hợp pháp luật yêu cầu chứng từ, hồ sơ hoặc thông tin phải được lưu trữ thì chứng từ, hồ sơ hoặc thông tin đó có thể được lưu trữ dưới dạng thông điệp dữ liệu khi đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Nội dung của thông điệp dữ liệu đó có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu khi cần thiết;</p> <p>b) Nội dung của thông điệp dữ liệu đó được lưu trong chính khuôn dạng mà nó được khởi tạo, gửi, nhận hoặc trong khuôn dạng cho phép thể hiện chính xác nội dung dữ liệu đó;</p>	<p>Sửa đổi</p>	<p>Điều 15. Hình thức lưu trữ văn bản và thông điệp dữ liệu</p> <p>1. Trường hợp pháp luật yêu cầu <i>văn bản</i>, chứng từ, hồ sơ, <i>tài liệu</i> hoặc thông tin phải được lưu trữ thì <i>văn bản</i>, chứng từ, hồ sơ, <i>tài liệu</i> hoặc thông tin đó có thể được lưu trữ dưới dạng thông điệp dữ liệu khi đáp ứng <u>đồng thời</u> các điều kiện sau:</p> <p>a) Nội dung của thông điệp dữ liệu đó có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu khi cần thiết;</p> <p>b) Nội dung của thông điệp dữ liệu đó được lưu trong chính khuôn dạng mà nó được khởi tạo, gửi, nhận hoặc trong khuôn dạng cho phép thể hiện chính xác nội dung của thông</p>	<p>Điều 15. Hình thức lưu trữ văn bản và thông điệp dữ liệu</p> <p>1. Trường hợp pháp luật yêu cầu văn bản, chứng từ, hồ sơ, tài liệu hoặc thông tin phải được lưu trữ thì văn bản, chứng từ, hồ sơ, tài liệu hoặc thông tin đó có thể được lưu trữ dưới dạng thông điệp dữ liệu khi đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Nội dung của thông điệp dữ liệu đó có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu khi cần thiết;</p> <p>b) Nội dung của thông điệp dữ liệu đó được lưu trong chính khuôn dạng mà nó được khởi tạo, gửi, nhận hoặc trong khuôn dạng cho phép thể hiện chính xác nội dung của thông</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>c) Thông điệp dữ liệu đó được lưu trữ theo một cách thức nhất định cho phép xác định nguồn gốc khởi tạo, nơi đến, ngày giờ gửi hoặc nhận thông điệp dữ liệu.</p> <p>2. Nội dung, thời hạn lưu trữ đối với thông điệp dữ liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.</p>		<p>điệp dữ liệu đó;</p> <p>c) Thông điệp dữ liệu đó được lưu trữ theo một cách thức nhất định cho phép xác định nguồn gốc khởi tạo, <i>người gửi, người nhận</i>, ngày giờ gửi hoặc nhận thông điệp dữ liệu.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được <u>phép thay thế việc lưu trữ các văn bản, chứng từ, hồ sơ, tài liệu hoặc thông tin dưới dạng văn bản giấy theo yêu cầu của pháp luật bằng việc lưu trữ dưới dạng thông điệp dữ liệu nếu thông điệp dữ liệu đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 1 Điều này.</u></p> <p>3. Nội dung, thời hạn lưu trữ đối với thông điệp dữ liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật <u>về lưu trữ.</u></p>	<p>điệp dữ liệu đó;</p> <p>c) Thông điệp dữ liệu đó được lưu trữ theo một cách thức nhất định cho phép xác định nguồn gốc khởi tạo, người gửi, người nhận, ngày giờ gửi hoặc nhận thông điệp dữ liệu.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được <i>lựa chọn</i> lưu trữ các văn bản, chứng từ, hồ sơ, tài liệu hoặc thông tin dưới dạng văn bản giấy bằng việc lưu trữ dưới dạng thông điệp dữ liệu <i>khi</i> thông điệp dữ liệu đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Nội dung, thời hạn lưu trữ đối với thông điệp dữ liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật <i>chuyên ngành và các quy định có liên quan của pháp luật về lưu trữ. Việc lưu trữ thông điệp dữ liệu có giá trị như lưu trữ văn bản giấy.</i></p>
<p>Mục 2 GỬI, NHẬN THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU</p>		<p>Mục 2 GỬI, NHẬN THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU</p>	<p>Mục 2 GỬI, NHẬN THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU</p>
<p>Điều 16. Người khởi tạo thông điệp dữ liệu</p>	<p>Sửa đổi</p>	<p>Điều 16. Người khởi tạo thông điệp dữ liệu</p>	<p>Điều 16. Người khởi tạo thông điệp dữ liệu</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>1. Người khởi tạo thông điệp dữ liệu là cơ quan, tổ chức, cá nhân tạo hoặc gửi một thông điệp dữ liệu trước khi thông điệp dữ liệu đó được lưu giữ nhưng không bao hàm người trung gian chuyển thông điệp dữ liệu.</p> <p>2. Trong trường hợp các bên tham gia giao dịch không có thỏa thuận khác thì việc xác định người khởi tạo một thông điệp dữ liệu được quy định như sau:</p> <p>a) Một thông điệp dữ liệu được xem là của người khởi tạo nếu thông điệp dữ liệu đó được người khởi tạo gửi hoặc được gửi bởi một hệ thống thông tin được thiết lập để hoạt động tự động do người khởi tạo chỉ định;</p> <p>b) Người nhận có thể coi thông điệp dữ liệu là của người khởi tạo nếu đã áp dụng các phương pháp xác minh được người khởi tạo chấp thuận và cho kết quả thông điệp dữ liệu đó là của người khởi tạo;</p> <p>c) Kể từ thời điểm người nhận biết có lỗi</p>		<p>1. Người khởi tạo thông điệp dữ liệu là cơ quan, tổ chức, cá nhân tạo hoặc gửi một thông điệp dữ liệu trước khi thông điệp dữ liệu đó được lưu trữ nhưng không bao hàm người trung gian chuyển thông điệp dữ liệu.</p> <p>2. Trong trường hợp các bên tham gia giao dịch không có thỏa thuận khác thì việc xác định người khởi tạo một thông điệp dữ liệu được quy định như sau:</p> <p>a) Một thông điệp dữ liệu được xem là của người khởi tạo nếu thông điệp dữ liệu đó được <i>gửi bởi</i> người khởi tạo <i>thông điệp dữ liệu, người đại diện hợp pháp của người khởi tạo</i> hoặc bởi một hệ thống thông tin được thiết lập để hoạt động tự động do người khởi tạo chỉ định;</p> <p>b) Người nhận có thể coi thông điệp dữ liệu là của người khởi tạo nếu đã áp dụng các phương pháp xác minh được người khởi tạo chấp thuận và cho kết quả thông điệp dữ liệu đó là của người khởi tạo;</p> <p>c) Kể từ thời điểm người nhận biết có lỗi kỹ</p>	<p>1. Người khởi tạo thông điệp dữ liệu là cơ quan, tổ chức, cá nhân tạo hoặc gửi một thông điệp dữ liệu trước khi thông điệp dữ liệu đó được lưu trữ nhưng không bao hàm người trung gian chuyển thông điệp dữ liệu.</p> <p>2. Trong trường hợp các bên tham gia giao dịch không có thỏa thuận khác thì việc xác định người khởi tạo một thông điệp dữ liệu được quy định như sau:</p> <p>a) Một thông điệp dữ liệu được xem là của người khởi tạo nếu thông điệp dữ liệu đó được gửi bởi người khởi tạo thông điệp dữ liệu, người đại diện hợp pháp của người khởi tạo hoặc bởi một hệ thống thông tin được thiết lập để hoạt động tự động do người khởi tạo chỉ định;</p> <p>b) Người nhận có thể coi thông điệp dữ liệu là của người khởi tạo nếu đã áp dụng các phương pháp xác minh được người khởi tạo chấp thuận và cho kết quả thông điệp dữ liệu đó là của người khởi tạo;</p> <p>c) Kể từ thời điểm người nhận biết có lỗi kỹ</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>kỹ thuật trong việc truyền gửi thông điệp dữ liệu hoặc đã sử dụng các phương pháp xác minh lỗi được người khởi tạo chấp thuận thì không áp dụng quy định tại điểm a và điểm b khoản này.</p>		<p>thuật <u>trong việc truyền gửi thông điệp dữ liệu hoặc đã sử dụng các phương pháp xác minh lỗi được người khởi tạo chấp thuận hoặc nhận được thông báo từ người khởi tạo rằng thông điệp dữ liệu được gửi ra không phải do ý chí của người khởi tạo</u> thì không áp dụng quy định tại điểm a và điểm b khoản này.</p>	<p>thuật <i>hoặc nhận được thông báo từ người khởi tạo rằng thông điệp dữ liệu được gửi ra do lỗi kỹ thuật và đã sử dụng các phương pháp xác minh lỗi được người khởi tạo chấp thuận</i> thì không áp dụng quy định tại điểm a và điểm b khoản này.</p> <p>3. Trường hợp một bên mắc lỗi nhập thông tin thông qua hệ thống thông tin tự động mà hệ thống thông tin tự động đó không cung cấp cho bên đó cơ hội sửa lỗi, thì bên mắc lỗi nhập thông tin có quyền rút lại thông tin đã nhập nếu đáp ứng các điều kiện:</p> <p>a) Bên khởi tạo mắc lỗi nhập thông tin đã có thông báo về lỗi nhập thông tin của mình cho các bên liên quan ngay khi nhận ra lỗi;</p> <p>b) Bên khởi tạo mắc lỗi nhập thông tin chưa sử dụng hoặc nhận được bất kỳ lợi ích nào (nếu có) từ các bên.</p> <p>4. Quyền rút thông tin có lỗi theo quy định tại khoản 3 Điều này không ảnh hưởng tới trách nhiệm giải quyết hậu quả các lỗi phát sinh</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
3. Người khởi tạo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông điệp dữ liệu do mình khởi tạo.		3. Người khởi tạo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông điệp dữ liệu do mình khởi tạo.	<i>trong giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật khác có liên quan.</i> 5. Người khởi tạo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông điệp dữ liệu do mình khởi tạo.
<p>Điều 17. Thời điểm, địa điểm gửi thông điệp dữ liệu</p> <p>Trong trường hợp các bên tham gia giao dịch không có thoả thuận khác thì thời điểm, địa điểm gửi thông điệp dữ liệu được quy định như sau:</p> <p>1. Thời điểm gửi một thông điệp dữ liệu là thời điểm thông điệp dữ liệu <u>này nhập vào hệ thống thông tin nằm ngoài sự kiểm soát của người khởi tạo</u>;</p>	Sửa đổi	<p>Điều 17. Thời điểm, địa điểm gửi thông điệp dữ liệu</p> <p>Trong trường hợp các bên tham gia giao dịch không có thoả thuận khác thì thời điểm, địa điểm gửi thông điệp dữ liệu được quy định như sau:</p> <p>1. Thời điểm gửi một thông điệp dữ liệu là thời điểm thông điệp dữ liệu <u>đó rời khỏi hệ thống thông tin dưới sự kiểm soát của người khởi tạo</u> <u>hay người đại diện hợp pháp của người khởi tạo</u>. Trong trường hợp hệ thống thông tin <u>nằm ngoài sự kiểm soát của người khởi tạo</u> <u>hay đại diện của người khởi tạo</u>, thời điểm gửi một thông điệp dữ liệu là thời điểm thông điệp dữ liệu <u>này nhập vào hệ thống thông tin</u>.</p>	<p>Điều 17. Thời điểm, địa điểm gửi thông điệp dữ liệu</p> <p>Trong trường hợp các bên tham gia giao dịch không có thoả thuận khác thì thời điểm, địa điểm gửi thông điệp dữ liệu được quy định như sau:</p> <p>1. Thời điểm gửi một thông điệp dữ liệu là thời điểm thông điệp dữ liệu <u>này nhập vào hệ thống thông tin nằm ngoài sự kiểm soát của người khởi tạo</u> <u>hoặc người đại diện hợp pháp của người khởi tạo</u>;</p> <p>Trong trường hợp hệ thống thông tin <u>chịu sự kiểm soát của người khởi tạo</u> <u>hay đại diện của người khởi tạo</u>, thời điểm gửi một thông điệp dữ liệu là thời điểm thông điệp dữ liệu <u>đó rời khỏi hệ thống thông tin dưới sự kiểm soát của</u></p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>2. Địa điểm gửi thông điệp dữ liệu là trụ sở của người khởi tạo nếu người khởi tạo là cơ quan, tổ chức hoặc nơi cư trú của người khởi tạo nếu người khởi tạo là cá nhân. Trường hợp người khởi tạo có nhiều trụ sở thì địa điểm gửi thông điệp dữ liệu là <u>trụ sở có mối liên hệ mật thiết nhất với giao dịch</u>.</p>		<p>2. Ở bất kỳ địa điểm nào thông điệp dữ liệu được gửi đi thì địa điểm gửi thông điệp dữ liệu vẫn được coi là trụ sở của người khởi tạo nếu người khởi tạo là cơ quan, tổ chức hoặc nơi cư trú của người khởi tạo nếu người khởi tạo là cá nhân. Trường hợp người khởi tạo có nhiều trụ sở thì địa điểm gửi thông điệp dữ liệu là <u>trụ sở chính hoặc trụ sở mà người khởi tạo thường xuyên làm việc nhất</u>.</p>	<p><i>người khởi tạo hoặc người đại diện hợp pháp của người khởi tạo.</i></p> <p>2. Ở bất kỳ địa điểm nào thông điệp dữ liệu được gửi đi thì địa điểm gửi thông điệp dữ liệu vẫn được coi là trụ sở của người khởi tạo nếu người khởi tạo là cơ quan, tổ chức hoặc nơi cư trú của người khởi tạo nếu người khởi tạo là cá nhân. Trường hợp người khởi tạo có nhiều trụ sở thì địa điểm gửi thông điệp dữ liệu là <u>trụ sở chính hoặc địa điểm người khởi tạo thường xuyên thực hiện công việc</u>.</p>
<p>Điều 18. Nhận thông điệp dữ liệu</p> <p>1. Người nhận thông điệp dữ liệu là <u>người</u> được chỉ định nhận thông điệp dữ liệu từ người khởi tạo thông điệp dữ liệu nhưng không bao hàm người trung gian chuyển thông điệp dữ liệu đó.</p> <p>2. Trong trường hợp các bên tham gia giao dịch không có thoả thuận khác thì việc nhận thông điệp dữ liệu được quy</p>	<p>Sửa đổi</p>	<p>Điều 18. Nhận thông điệp dữ liệu</p> <p>1. Người nhận thông điệp dữ liệu là <i>tổ chức, cá nhân hoặc người đại diện, người được ủy quyền hợp pháp của tổ chức, cá nhân</i> đó được chỉ định nhận thông điệp dữ liệu từ người khởi tạo thông điệp dữ liệu nhưng không bao hàm người trung gian chuyển thông điệp dữ liệu đó.</p> <p>2. Trong trường hợp các bên tham gia giao dịch không có thoả thuận khác thì việc nhận thông điệp dữ liệu được quy định như sau:</p>	<p>Điều 18. Nhận thông điệp dữ liệu</p> <p>1. Người nhận thông điệp dữ liệu là <i>tổ chức, cá nhân hoặc người đại diện, người được ủy quyền hợp pháp của tổ chức, cá nhân</i> đó được chỉ định nhận thông điệp dữ liệu từ người khởi tạo thông điệp dữ liệu nhưng không bao hàm người trung gian chuyển thông điệp dữ liệu đó.</p> <p>2. Trong trường hợp các bên tham gia giao dịch không có thoả thuận khác thì việc nhận thông điệp dữ liệu được quy định như sau:</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>định như sau:</p> <p>a) Người nhận được xem là đã nhận được thông điệp dữ liệu nếu thông điệp dữ liệu được nhập vào hệ thống thông tin do người đó chỉ định và có thể truy cập được;</p> <p>b) Người nhận có quyền coi mỗi thông điệp dữ liệu nhận được là một thông điệp dữ liệu độc lập, trừ trường hợp thông điệp dữ liệu đó là bản sao của một thông điệp dữ liệu khác mà người nhận biết hoặc buộc phải biết thông điệp dữ liệu đó là bản sao;</p> <p>c) Trường hợp trước hoặc trong khi gửi thông điệp dữ liệu, người khởi tạo có yêu cầu hoặc thoả thuận với người nhận về việc người nhận phải gửi cho mình thông báo xác nhận khi nhận được thông điệp dữ liệu thì người nhận phải thực hiện đúng yêu cầu hoặc thoả thuận này;</p> <p>d) Trường hợp trước hoặc trong khi gửi thông điệp dữ liệu, người khởi tạo đã tuyên bố thông điệp dữ liệu đó chỉ có giá</p>		<p>a) Người nhận được xem là đã nhận được thông điệp dữ liệu nếu thông điệp dữ liệu được nhập vào hệ thống thông tin do người đó chỉ định và có thể truy cập được;</p> <p>b) Người nhận có quyền coi mỗi thông điệp dữ liệu nhận được là một thông điệp dữ liệu độc lập, trừ trường hợp thông điệp dữ liệu đó là bản sao của một thông điệp dữ liệu khác mà người nhận biết hoặc buộc phải biết thông điệp dữ liệu đó là bản sao;</p> <p>c) Trường hợp trước hoặc trong khi gửi thông điệp dữ liệu, người khởi tạo có yêu cầu hoặc thoả thuận với người nhận về việc người nhận phải gửi cho mình thông báo xác nhận khi nhận được thông điệp dữ liệu thì người nhận phải thực hiện đúng yêu cầu hoặc thoả thuận này;</p> <p>d) Trường hợp trước hoặc trong khi gửi thông điệp dữ liệu, người khởi tạo đã tuyên bố thông điệp dữ liệu đó chỉ có giá trị khi có</p>	<p>a) Người nhận được xem là đã nhận được thông điệp dữ liệu nếu thông điệp dữ liệu được nhập vào hệ thống thông tin do người đó chỉ định và có thể truy cập được;</p> <p>b) Người nhận có quyền coi mỗi thông điệp dữ liệu nhận được là một thông điệp dữ liệu độc lập, trừ trường hợp thông điệp dữ liệu đó là bản sao của một thông điệp dữ liệu khác mà người nhận biết hoặc buộc phải biết thông điệp dữ liệu đó là bản sao;</p> <p>c) Trường hợp trước hoặc trong khi gửi thông điệp dữ liệu, người khởi tạo có yêu cầu hoặc thoả thuận với người nhận về việc người nhận phải gửi cho mình thông báo xác nhận khi nhận được thông điệp dữ liệu thì người nhận phải thực hiện đúng yêu cầu hoặc thoả thuận này;</p> <p>d) Trường hợp trước hoặc trong khi gửi thông điệp dữ liệu, người khởi tạo đã tuyên bố thông điệp dữ liệu đó chỉ có giá trị khi có thông báo</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>trị khi có thông báo xác nhận thì thông điệp dữ liệu đó được xem là chưa gửi cho đến khi người khởi tạo nhận được thông báo của người nhận xác nhận đã nhận được thông điệp dữ liệu đó;</p> <p>đ) Trường hợp người khởi tạo đã gửi thông điệp dữ liệu mà không tuyên bố về việc người nhận phải gửi thông báo xác nhận và cũng chưa nhận được thông báo xác nhận thì người khởi tạo có thể thông báo cho người nhận là chưa nhận được thông báo xác nhận và ấn định khoảng thời gian hợp lý để người nhận gửi xác nhận; nếu người khởi tạo vẫn không nhận được thông báo xác nhận trong khoảng thời gian đã ấn định thì người khởi tạo có quyền xem là chưa gửi thông điệp dữ liệu đó.</p>		<p>thông báo xác nhận thì thông điệp dữ liệu đó được xem là chưa gửi cho đến khi người khởi tạo nhận được thông báo của người nhận xác nhận đã nhận được thông điệp dữ liệu đó;</p> <p>đ) Trường hợp người khởi tạo đã gửi thông điệp dữ liệu mà không tuyên bố về việc người nhận phải gửi thông báo xác nhận và cũng chưa nhận được thông báo xác nhận thì người khởi tạo có thể thông báo cho người nhận là chưa nhận được thông báo xác nhận và ấn định khoảng thời gian hợp lý để người nhận gửi xác nhận; nếu người khởi tạo vẫn không nhận được thông báo xác nhận trong khoảng thời gian đã ấn định thì người khởi tạo có quyền xem là chưa gửi thông điệp dữ liệu đó.</p>	<p>xác nhận thì thông điệp dữ liệu đó được xem là chưa gửi cho đến khi người khởi tạo nhận được thông báo của người nhận xác nhận đã nhận được thông điệp dữ liệu đó;</p> <p>đ) Trường hợp người khởi tạo đã gửi thông điệp dữ liệu mà không tuyên bố về việc người nhận phải gửi thông báo xác nhận và cũng chưa nhận được thông báo xác nhận thì người khởi tạo có thể thông báo cho người nhận là chưa nhận được thông báo xác nhận và ấn định khoảng thời gian hợp lý để người nhận gửi xác nhận; nếu người khởi tạo vẫn không nhận được thông báo xác nhận trong khoảng thời gian đã ấn định thì người khởi tạo có quyền xem là chưa gửi thông điệp dữ liệu đó.</p>
<p>Điều 19. Thời điểm, địa điểm nhận thông điệp dữ liệu</p> <p>Trong trường hợp các bên tham gia giao dịch không có thoả thuận khác thì thời điểm, địa điểm nhận thông điệp dữ liệu</p>	<p>Sửa đổi</p>	<p>Điều 19. Thời điểm, địa điểm nhận thông điệp dữ liệu</p> <p>Trong trường hợp các bên tham gia giao dịch không có thoả thuận khác thì thời điểm, địa điểm nhận thông điệp dữ liệu được quy định</p>	<p>Điều 19. Thời điểm, địa điểm nhận thông điệp dữ liệu</p> <p>Trong trường hợp các bên tham gia giao dịch không có thoả thuận khác thì thời điểm, địa điểm nhận thông điệp dữ liệu được quy định</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>được quy định như sau:</p> <p>1. Trường hợp người nhận đã chỉ định một hệ thống thông tin để nhận thông điệp dữ liệu thì thời điểm nhận là thời điểm thông điệp dữ liệu nhập vào hệ thống thông tin được chỉ định; nếu người nhận không chỉ định một hệ thống thông tin để nhận thông điệp dữ liệu thì thời điểm nhận thông điệp dữ liệu là thời điểm thông điệp dữ liệu đó nhập vào bất kỳ hệ thống thông tin nào của người nhận.</p> <p>2. Địa điểm nhận thông điệp dữ liệu là trụ sở của người nhận nếu người nhận là cơ quan, tổ chức hoặc nơi cư trú thường xuyên của người nhận nếu người nhận là cá nhân. Trường hợp người nhận có nhiều trụ sở thì địa điểm nhận thông điệp dữ liệu là <u>trụ sở có mối liên hệ mật thiết nhất với giao dịch.</u></p>		<p>như sau:</p> <p>1. Trường hợp người nhận đã chỉ định một hệ thống thông tin để nhận thông điệp dữ liệu thì thời điểm nhận là thời điểm thông điệp dữ liệu nhập vào hệ thống thông tin được chỉ định; nếu người nhận không chỉ định một hệ thống thông tin để nhận thông điệp dữ liệu thì thời điểm nhận thông điệp dữ liệu là thời điểm thông điệp dữ liệu đó nhập vào bất kỳ hệ thống thông tin nào của người nhận.</p> <p>2. Ở bất kỳ địa điểm nào thông điệp dữ liệu được nhận thì địa điểm nhận thông điệp dữ liệu vẫn được coi là trụ sở của người nhận nếu người nhận là cơ quan, tổ chức hoặc nơi cư trú <u>thường xuyên</u> của người nhận nếu người nhận là cá nhân. Trường hợp người nhận có nhiều trụ sở thì địa điểm nhận thông điệp dữ liệu là <u>trụ sở chính hoặc trụ sở mà người nhận thường xuyên làm việc nhất.</u></p>	<p>như sau:</p> <p>1. Trường hợp người nhận đã chỉ định một hệ thống thông tin để nhận thông điệp dữ liệu thì thời điểm nhận là thời điểm thông điệp dữ liệu nhập vào hệ thống thông tin được chỉ định; nếu người nhận không chỉ định một hệ thống thông tin để nhận thông điệp dữ liệu thì thời điểm nhận thông điệp dữ liệu là thời điểm thông điệp dữ liệu đó nhập vào bất kỳ hệ thống thông tin nào của người nhận.</p> <p>2. Ở bất kỳ địa điểm nào thông điệp dữ liệu được nhận thì địa điểm nhận thông điệp dữ liệu vẫn được coi là trụ sở của người nhận nếu người nhận là cơ quan, tổ chức hoặc nơi cư trú của người nhận nếu người nhận là cá nhân. Trường hợp người nhận có nhiều trụ sở thì địa điểm nhận thông điệp dữ liệu là trụ sở chính hoặc <u>địa điểm người nhận thường xuyên thực hiện công việc.</u></p>
Điều 20. Gửi, nhận tự động thông điệp dữ liệu	Giữ nguyên	Điều 20. Gửi, nhận tự động thông điệp dữ liệu	Điều 20. Gửi, nhận tự động thông điệp dữ liệu

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SỐ SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
Trong trường hợp người khởi tạo hoặc người nhận chỉ định một hoặc nhiều hệ thống thông tin tự động gửi hoặc nhận thông điệp dữ liệu thì việc gửi, nhận thông điệp dữ liệu được thực hiện theo quy định tại các điều 16, 17, 18 và 19 của Luật này.		Trong trường hợp người khởi tạo hoặc người nhận chỉ định một hoặc nhiều hệ thống thông tin tự động gửi hoặc nhận thông điệp dữ liệu thì việc gửi, nhận thông điệp dữ liệu thực hiện theo quy định tại các điều 16, 17, 18 và 19 của Luật này.	Trong trường hợp người khởi tạo hoặc người nhận chỉ định một hoặc nhiều hệ thống thông tin tự động gửi hoặc nhận thông điệp dữ liệu thì việc gửi, nhận thông điệp dữ liệu thực hiện theo quy định tại các điều 16, 17, 18 và 19 của Luật này.
		Mục 3 CHỨNG THƯ ĐIỆN TỬ	Mục 3 CHỨNG THƯ ĐIỆN TỬ
	Bổ sung mới	<p>Điều 21. Giá trị pháp lý của chứng thư điện tử</p> <p>1. Thông tin trong chứng thư điện tử có giá trị pháp lý như thông tin trong văn bản hoặc các hình thức tồn tại khác theo quy định của pháp luật khi đáp ứng được <u>đồng thời</u> các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Chứng thư điện tử được ký bằng chữ ký số của cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hành theo quy định của Luật này;</p> <p>b) Nội dung của chứng thư điện tử có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh <u>khi cần thiết</u>.</p> <p>2. Chứng thư điện tử có giá trị như giấy tờ</p>	<p>Điều 21. Giá trị pháp lý của chứng thư điện tử</p> <p>1. Thông tin trong chứng thư điện tử có giá trị pháp lý như thông tin trong văn bản hoặc các hình thức tồn tại khác theo quy định của pháp luật khi đáp ứng được các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Chứng thư điện tử được ký bằng chữ ký số của cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hành theo quy định của Luật này;</p> <p>b) Nội dung của chứng thư điện tử có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><i>thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật nếu chứng thư điện tử bảo đảm đồng thời các điều kiện sau:</i></p> <p><i>a) Khẳng định được sự kiểm soát duy nhất bởi cá nhân, tổ chức sở hữu đối với chứng thư điện tử;</i></p> <p><i>b) Xác định được cá nhân, tổ chức đang kiểm soát chứng thư điện tử đó.</i></p> <p><i>3. Trong trường hợp pháp luật quy định hoặc yêu cầu về chữ ký của cá nhân, tổ chức, thì chứng thư điện tử đáp ứng yêu cầu đó nếu được ký bằng chữ ký số theo quy định của Luật này.</i></p> <p><i>4. Trong trường hợp pháp luật yêu cầu về kết quả giải quyết thủ tục hành chính, văn bản, chứng nhận, chứng chỉ, văn bản chấp thuận, văn bản xác nhận hoặc các hình thức tương tự khác thì chứng thư điện tử có thể sử dụng thay thế cho văn bản gốc nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật này.</i></p> <p><i>5. Trong trường hợp pháp luật yêu cầu hoặc cho phép chỉ ra thời gian hoặc địa điểm liên quan đến giấy phép, văn bản, chứng nhận,</i></p>	<p><i>2. Chứng thư điện tử có giá trị như giấy tờ thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức khi bảo đảm các điều kiện sau:</i></p> <p><i>a) Khẳng định được <u>tổ chức</u>, cá nhân là chủ thể sở hữu duy nhất đối với chứng thư điện tử;</i></p> <p><i>b) Khẳng định được cá nhân, tổ chức đang kiểm soát chứng thư điện tử đó.</i></p> <p><i>3. Trong trường hợp pháp luật quy định hoặc yêu cầu về chữ ký của cá nhân, tổ chức, thì chứng thư điện tử đáp ứng yêu cầu đó nếu được ký bằng chữ ký số theo quy định của Luật này.</i></p> <p><i>4. Trong trường hợp pháp luật yêu cầu về kết quả giải quyết thủ tục hành chính, văn bản, chứng nhận, chứng chỉ, văn bản chấp thuận, văn bản xác nhận hoặc các hình thức tương tự khác thì chứng thư điện tử có thể sử dụng thay thế cho văn bản gốc nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật này.</i></p> <p><i>5. Trong trường hợp pháp luật yêu cầu hoặc cho phép chỉ ra thời gian hoặc địa điểm liên quan đến giấy phép, văn bản, chứng nhận,</i></p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><i>chứng chỉ, giấy tờ có giá, văn bản chấp thuận hoặc văn bản xác nhận khác, thì quy định đó được đáp ứng đối với chứng thư điện tử nếu dịch vụ tin cậy được sử dụng để xác định thời gian hoặc địa điểm liên quan đến chứng thư điện tử.</i></p> <p><i>6. Trong trường hợp pháp luật yêu cầu hoặc cho phép sửa đổi kết quả giải quyết thủ tục hành chính, văn bằng, chứng nhận, chứng chỉ, văn bản chấp thuận, văn bản xác nhận hoặc các hình thức tương tự khác thì quy định đó được đáp ứng đối với chứng thư điện tử nếu một dịch vụ tin cậy được sử dụng để chứng nhận, công nhận việc sửa đổi thông tin trong chứng thư điện tử, đồng thời đảm bảo thông tin sửa đổi luôn được kiểm soát và nhận biết được.</i></p> <p><i>7. Chứng thư điện tử sẽ không bị từ chối giá trị pháp lý, hiệu lực hoặc khả năng thực thi chỉ vì nó được phát hành ở nước ngoài. Việc chứng thực chứng thư điện tử phát hành bởi</i></p>	<p>chứng chỉ, giấy tờ có giá, văn bản chấp thuận hoặc văn bản xác nhận khác, thì quy định đó được đáp ứng đối với chứng thư điện tử nếu dịch vụ tin cậy được sử dụng để xác định thời gian hoặc địa điểm liên quan đến chứng thư điện tử.</p> <p>6. Trong trường hợp pháp luật yêu cầu hoặc cho phép sửa đổi kết quả giải quyết thủ tục hành chính, văn bằng, chứng nhận, chứng chỉ, văn bản chấp thuận, văn bản xác nhận hoặc các hình thức tương tự khác thì quy định đó được đáp ứng đối với chứng thư điện tử nếu một dịch vụ tin cậy được sử dụng để chứng nhận, công nhận việc sửa đổi thông tin trong chứng thư điện tử, đồng thời đảm bảo thông tin sửa đổi luôn được kiểm soát và nhận biết được.</p> <p>7. Chứng thư điện tử sẽ không bị từ chối giá trị pháp lý, hiệu lực hoặc khả năng thực thi chỉ vì nó được phát hành ở nước ngoài. Việc chứng thực chứng thư điện tử phát hành bởi</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><i> cơ quan, tổ chức nước ngoài thực hiện theo quy định pháp luật về chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền chứng thực và có hệ thống thông tin phục vụ cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Luật này hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu được cấp phép.</i></p>	<p><i> cơ quan, tổ chức nước ngoài thực hiện theo quy định pháp luật về chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền chứng thực và có hệ thống thông tin phục vụ cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu đáp ứng yêu cầu theo quy định của Luật này hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu được cấp phép.</i></p>
	<p>Bổ sung mới</p>	<p>Điều 22. Chuyển <u>nhượng</u> chứng thư điện tử</p> <p><i> 1. Khi pháp luật cho phép chuyển quyền sở hữu đối với chứng thư điện tử thì quy định đó được thực hiện thông qua việc chuyển giao quyền kiểm soát đối với chứng thư điện tử bởi cơ quan có thẩm quyền chứng thực và có hệ thống thông tin phục vụ cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Luật này hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu được cấp phép.</i></p> <p><i> 2. Trường hợp pháp luật yêu cầu hoặc cho phép chuyển đổi hình thức văn bản giấy sang chứng thư điện tử đối với các loại giấy tờ mà</i></p>	<p>Điều 22. Chuyển giao chứng thư điện tử</p> <p><i> 1. Việc chuyển giao quyền sở hữu đối với chứng thư điện tử được thực hiện thông qua việc chuyển giao quyền kiểm soát đối với chứng thư điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu được cấp phép hoặc do cơ quan có thẩm quyền chứng thực có hệ thống thông tin phục vụ cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu đáp ứng yêu cầu theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</i></p> <p><i> 2. Trường hợp pháp luật yêu cầu hoặc cho phép chuyển đổi hình thức văn bản giấy sang chứng thư điện tử đối với các loại giấy tờ mà</i></p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><i>pháp luật cho phép chuyển <u>nhượng</u> quyền sở hữu và chỉ được tồn tại dưới một hình thức duy nhất, thì văn bản giấy không còn giá trị pháp lý ngay khi hoàn thành chuyển đổi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật này.</i></p> <p><i>3. Trường hợp pháp luật yêu cầu hoặc cho phép chuyển đổi hình thức từ chứng thư điện tử sang văn bản giấy đối với các loại chứng thư điện tử mà pháp luật cho phép chuyển <u>nhượng</u> quyền sở hữu và chỉ được tồn tại dưới một hình thức duy nhất, thì chứng thư điện tử sẽ không còn giá trị pháp lý ngay khi hoàn thành thực hiện chuyển đổi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật này.</i></p>	<p>pháp luật cho phép chuyển <u>giao</u> quyền sở hữu và chỉ được tồn tại dưới một hình thức duy nhất, thì văn bản giấy không còn giá trị pháp lý ngay khi hoàn thành chuyển đổi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật này.</p> <p>3. Trường hợp pháp luật yêu cầu hoặc cho phép chuyển đổi hình thức từ chứng thư điện tử sang văn bản giấy đối với các loại chứng thư điện tử mà pháp luật cho phép chuyển <u>giao</u> quyền sở hữu và chỉ được tồn tại dưới một hình thức duy nhất, thì chứng thư điện tử sẽ không còn giá trị pháp lý ngay khi hoàn thành thực hiện chuyển đổi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật này.</p>
	Bổ sung mới	<p>Điều 23. Yêu cầu đối với lưu trữ, xử lý chứng thư điện tử</p> <p><i>1. Việc lưu trữ chứng thư điện tử tuân thủ quy định về lưu trữ thông điệp dữ liệu quy định tại Điều 15 Luật này.</i></p> <p><i>2. Hệ thống thông tin phục vụ lưu trữ, xử lý chứng thư điện tử phải đáp ứng yêu cầu bảo</i></p>	<p>Điều 23. Yêu cầu đối với lưu trữ, xử lý chứng thư điện tử</p> <p>1. Việc lưu trữ chứng thư điện tử tuân thủ quy định về lưu trữ thông điệp dữ liệu quy định tại Điều 15 Luật này.</p> <p>2. Hệ thống thông tin phục vụ lưu trữ, xử lý chứng thư điện tử phải đáp ứng yêu cầu bảo</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<i>đảm an toàn thông tin mạng tối thiểu cấp độ 3 và yêu cầu bảo đảm an ninh mạng theo quy định của pháp luật.</i>	đảm an toàn thông tin mạng tối thiểu cấp độ 3 và yêu cầu bảo đảm an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
Chương III CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ VÀ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ		Chương III DỊCH VỤ TIN CẬY	Chương III CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ VÀ DỊCH VỤ TIN CẬY
Mục 1 <u>GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CỦA CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ</u>		Mục 1 CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ	Mục 1 CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ
<p>Điều 21. Chữ ký điện tử</p> <p><u>1. Chữ ký điện tử được tạo lập dưới dạng từ, chữ, số, ký hiệu, âm thanh hoặc các hình thức khác bằng phương tiện điện tử, gắn liền hoặc kết hợp một cách lô gíc với thông điệp dữ liệu, có khả năng xác nhận người ký thông điệp dữ liệu và xác nhận sự chấp thuận của người đó đối với nội dung thông điệp dữ liệu được ký.</u></p> <p><u>2. Chữ ký điện tử được xem là bảo đảm an toàn nếu chữ ký điện tử đó đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật này.</u></p> <p><u>3. Chữ ký điện tử có thể được chứng thực bởi một tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử.</u></p>	Sửa đổi	<p>Điều 24. Chữ ký điện tử</p> <p><i>1. Chữ ký điện tử nhằm xác nhận chủ thể ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu thông qua xác nhận bằng phương thức điện tử. Dữ liệu tạo chữ ký điện tử liên kết với nội dung được chấp thuận.</i></p> <p><i>2. Chữ ký điện tử dùng riêng là chữ ký điện tử đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:</i></p> <p><i>a) Xác nhận chủ thể ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu;</i></p> <p><i>b) Dữ liệu tạo chữ ký điện tử chỉ gắn duy nhất với nội dung được chấp thuận;</i></p>	<p>Điều 24. Chữ ký điện tử</p> <p>1. Chữ ký điện tử nhằm xác nhận chủ thể ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu thông qua xác nhận bằng phương tiện điện tử. Dữ liệu tạo chữ ký điện tử liên kết với nội dung của thông điệp dữ liệu được chấp thuận.</p> <p>2. Chữ ký điện tử dùng riêng là chữ ký điện tử đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Xác nhận chủ thể ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu;</p> <p>b) Dữ liệu tạo chữ ký điện tử chỉ gắn duy nhất với nội dung của thông điệp dữ liệu được chấp thuận;</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p>c) Dữ liệu tạo chữ ký điện tử chỉ thuộc sự kiểm soát của chủ thể ký tại thời điểm ký;</p> <p>d) Hiệu lực của chữ ký điện tử dùng riêng có thể được kiểm tra theo điều kiện do các bên tham gia thoả thuận.</p> <p>3. Chữ ký số, bao gồm chữ ký số công cộng và chữ ký số chuyên dùng <u>Chính phủ, là chữ ký điện tử đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:</u></p> <p>a) Xác nhận chủ thể ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu thông qua xác nhận bằng phương thức điện tử sử dụng hạ tầng khoá công khai;</p> <p>b) Dữ liệu tạo chữ ký điện tử chỉ gắn duy nhất với nội dung được chấp thuận;</p> <p>c) Dữ liệu tạo chữ ký điện tử chỉ thuộc sự kiểm soát của chủ thể ký tại thời điểm ký;</p> <p>d) Mọi thay đổi đối với thông điệp dữ liệu sau thời điểm ký đều có thể bị phát hiện;</p>	<p>c) Dữ liệu tạo chữ ký điện tử chỉ thuộc sự kiểm soát của chủ thể ký tại thời điểm ký;</p> <p>d) Hiệu lực của chữ ký điện tử dùng riêng có thể được kiểm tra theo điều kiện do các bên tham gia thoả thuận.</p> <p>3. Chữ ký số bao gồm chữ ký số công cộng và chữ ký số chuyên dùng công vụ.</p> <p>4. Chữ ký số là chữ ký điện tử đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Xác nhận chủ thể ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu thông qua xác nhận bằng phương tiện điện tử sử dụng hạ tầng khoá công khai;</p> <p>b) Dữ liệu tạo chữ ký điện tử chỉ gắn duy nhất với nội dung của thông điệp dữ liệu được chấp thuận;</p> <p>c) Dữ liệu tạo chữ ký điện tử chỉ thuộc sự kiểm soát của chủ thể ký tại thời điểm ký;</p> <p>d) Mọi thay đổi đối với thông điệp dữ liệu sau thời điểm ký đều có thể bị phát hiện;</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p>đ) Trường hợp chữ ký số chuyên dùng <u>Chính phủ</u> phải được đảm bảo bởi chứng thư chữ ký số của <u>Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số chuyên dùng Chính phủ</u>. Trường hợp chữ ký số công cộng phải được đảm bảo bởi chứng thư chữ ký số của <u>Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng</u>;</p> <p>e) Phương tiện tạo chữ ký số phải đảm bảo bảo mật của dữ liệu được dùng để tạo chữ ký số công cộng; đảm bảo dữ liệu được dùng để chữ ký số chỉ có thể sử dụng một lần duy nhất; đảm bảo dữ liệu tạo chữ ký số không bị tiết lộ, thu thập sử dụng mục đích giả mạo chữ ký; không làm thay đổi dữ liệu cần ký.</p>	<p>đ) Phải được đảm bảo bởi chứng thư chữ ký số. Trường hợp chữ ký số chuyên dùng công vụ phải được đảm bảo bởi chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ <u>chứng thực</u> chữ ký số chuyên dùng công vụ. Trường hợp chữ ký số công cộng phải được đảm bảo bởi chứng thư chữ ký số của <u>Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực</u> chữ ký số công cộng;</p> <p>e) Phương tiện tạo chữ ký số phải đảm bảo bảo mật của dữ liệu được dùng để tạo chữ ký số; đảm bảo dữ liệu được dùng để chữ ký số chỉ có thể sử dụng một lần duy nhất; đảm bảo dữ liệu tạo chữ ký số không bị tiết lộ, thu thập sử dụng mục đích giả mạo chữ ký; không làm thay đổi dữ liệu cần ký.</p>
<p><u>Điều 22. Điều kiện để bảo đảm an toàn cho chữ ký điện tử</u></p> <p>1. Chữ ký điện tử được xem là bảo đảm an toàn nếu được kiểm chứng bằng một quy trình kiểm tra an toàn do các bên giao dịch thỏa thuận và đáp ứng được các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Dữ liệu tạo chữ ký điện tử chỉ gắn duy</p>	<p>Lược bỏ</p>		

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>nhất với người ký trong bối cảnh dữ liệu đó được sử dụng;</u></p> <p><u>b) Dữ liệu tạo chữ ký điện tử chỉ thuộc sự kiểm soát của người ký tại thời điểm ký;</u></p> <p><u>c) Mọi thay đổi đối với chữ ký điện tử sau thời điểm ký đều có thể bị phát hiện;</u></p> <p><u>d) Mọi thay đổi đối với nội dung của thông điệp dữ liệu sau thời điểm ký đều có thể bị phát hiện.</u></p> <p><u>2. Chữ ký điện tử đã được tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chứng thực được xem là bảo đảm các điều kiện an toàn quy định tại khoản 1 Điều này.</u></p>			
<p><u>Điều 23. Nguyên tắc sử dụng chữ ký điện tử</u></p> <p><u>1. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, các bên tham gia giao dịch điện tử có quyền thỏa thuận:</u></p> <p><u>a) Sử dụng hoặc không sử dụng chữ ký điện tử để ký thông điệp dữ liệu trong quá trình giao dịch;</u></p>	Lược bỏ		

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>b) <u>Sử dụng hoặc không sử dụng chữ ký điện tử có chứng thực;</u></p> <p>c) <u>Lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử trong trường hợp thỏa thuận sử dụng chữ ký điện tử có chứng thực.</u></p> <p>2. <u>Chữ ký điện tử của cơ quan nhà nước phải được chứng thực bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.</u></p>			
<p>Điều 24. Giá trị pháp lý của chữ ký điện tử</p> <p>1. Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đó đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu <u>chữ ký điện tử được sử dụng để ký thông điệp dữ liệu đó đáp ứng các điều kiện sau đây:</u></p> <p>a) <u>Phương pháp tạo chữ ký điện tử cho phép xác minh được người ký và chứng tỏ được sự chấp thuận của người ký đối với nội dung thông điệp dữ liệu;</u></p>	Sửa đổi	<p>Điều 25. Giá trị pháp lý của chữ ký điện tử</p> <p>1. Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản phải có chữ ký <i>của cá nhân</i> thì yêu cầu đó đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu <u>thông điệp dữ liệu được ký bởi chữ ký điện tử dùng riêng đủ điều kiện bảo đảm an toàn hoặc chữ ký số của cá nhân đó.</u></p>	<p>Điều 25. Giá trị pháp lý của chữ ký điện tử</p> <p>1. Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản phải có chữ ký của cá nhân thì yêu cầu đó đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu được ký bởi chữ ký điện tử đủ điều kiện bảo đảm an toàn trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>b) Phương pháp đó là đủ tin cậy và phù hợp với mục đích mà theo đó thông điệp dữ liệu được tạo ra và gửi đi.</p> <p>2. Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản <u>cần được đóng dấu</u> của cơ quan, tổ chức thì yêu cầu đó đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bởi chữ ký điện tử của cơ quan, tổ chức <u>đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật này và chữ ký điện tử đó có chứng thực.</u></p> <p>3. Chính phủ quy định cụ thể việc quản lý và sử dụng chữ ký điện tử của cơ quan, tổ chức.</p>		<p>2. Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản <i>phải được xác nhận</i> của cơ quan tổ chức thì yêu cầu đó đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bởi chữ ký điện tử <i>dùng riêng đủ điều kiện bảo đảm an toàn hoặc chữ ký số</i> của cơ quan, tổ chức <i>đó</i>.</p>	<p>2. Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản phải được xác nhận của cơ quan tổ chức thì yêu cầu đó đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bởi chữ ký điện tử dùng riêng đủ điều kiện bảo đảm an toàn hoặc chữ ký số của cơ quan, tổ chức đó.</p>
<p><u>Điều 25. Nghĩa vụ của người ký chữ ký điện tử</u></p> <p>1. Người ký chữ ký điện tử hoặc người đại diện hợp pháp của người đó là người <u>kiểm soát hệ chương trình ký điện tử và sử dụng thiết bị đó để xác nhận ý chí của mình đối với thông điệp dữ liệu được ký.</u></p> <p>2. Người ký chữ ký điện tử có các nghĩa</p>	<p>Lược bỏ</p>		

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>vụ sau đây:</u></p> <p>a) <u>Có các biện pháp để tránh việc sử dụng không hợp pháp dữ liệu tạo chữ ký điện tử của mình;</u></p> <p>b) <u>Khi phát hiện chữ ký điện tử có thể không còn thuộc sự kiểm soát của mình, phải kịp thời sử dụng các phương tiện thích hợp để thông báo cho các bên chấp nhận chữ ký điện tử và cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử trong trường hợp chữ ký điện tử đó có chứng thực;</u></p> <p>c) <u>Áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm tính chính xác và toàn vẹn của mọi thông tin trong chứng thư điện tử trong trường hợp chứng thư điện tử được dùng để chứng thực chữ ký điện tử.</u></p> <p><u>3. Người ký chữ ký điện tử phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hậu quả do không tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều này.</u></p>			

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>Điều 26. Nghĩa vụ của bên chấp nhận chữ ký điện tử</u></p> <p><u>1. Bên chấp nhận chữ ký điện tử là bên đã thực hiện những nội dung trong thông điệp dữ liệu nêu trên cơ sở tin vào chữ ký điện tử, chứng thư điện tử của bên gửi.</u></p> <p><u>2. Bên chấp nhận chữ ký điện tử có các nghĩa vụ sau đây:</u></p> <p><u>a) Tiến hành các biện pháp cần thiết để kiểm chứng mức độ tin cậy của một chữ ký điện tử trước khi chấp nhận chữ ký điện tử đó;</u></p> <p><u>b) Tiến hành các biện pháp cần thiết để xác minh giá trị pháp lý của chứng thư điện tử và các hạn chế liên quan tới chứng thư điện tử trong trường hợp sử dụng chứng thư điện tử để chứng thực chữ ký điện tử.</u></p> <p><u>3. Bên chấp nhận chữ ký điện tử phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hậu quả do không tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều này.</u></p>	<p>Lược bỏ</p>		

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
	Bổ sung mới	<p><u>Điều 26. Chữ ký số chuyên dùng Chính phủ</u></p> <p>1. <u>Chữ ký số chuyên dùng Chính phủ là chữ ký điện tử được sử dụng trong các hoạt động công vụ.</u></p> <p>2. <u>Chữ ký số chuyên dùng Chính phủ được cung cấp bởi Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số chuyên dùng Chính phủ thực hiện theo các nội dung sau:</u></p> <p>a) <u>Các hoạt động về dịch vụ chữ ký số được quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 32 Luật này;</u></p> <p>b) <u>Đảm bảo trung lập về công nghệ, không sử dụng các rào cản kỹ thuật để hạn chế việc kiểm tra hiệu lực chữ ký số trong cơ quan nhà nước;</u></p> <p>c) <u>Kết nối với hệ thống kỹ thuật của Tổ chức chứng thực điện tử quốc gia để đảm bảo cho việc kiểm tra hiệu lực chữ ký số;</u></p> <p>d) <u>Hoạt động về dịch vụ cấp dấu thời gian trong các hoạt động công vụ được quy định tại Điều 30 Luật này.</u></p>	<p><u>Điều 26. Chứng thư Chữ ký số chuyên dùng công vụ</u></p> <p>1. <u>Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ được cung cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số chuyên dùng công vụ.</u></p> <p>2. <u>Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phải thực hiện các nội dung sau:</u></p> <p>a) <u>Hoạt động về dịch vụ chứng thực chữ ký số được quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 34 Luật này;</u></p> <p>b) <u>Không sử dụng rào cản kỹ thuật, công nghệ để hạn chế việc kiểm tra hiệu lực chữ ký số;</u></p> <p>c) <u>Kết nối với hệ thống kỹ thuật của tổ chức chứng thực điện tử quốc gia để đảm bảo cho việc kiểm tra hiệu lực chữ ký số;</u></p> <p>d) <u>Dịch vụ cấp dấu thời gian trong các hoạt động công vụ được quy định tại Điều 32 Luật này.</u></p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		3. <u>Chữ ký số chuyên dùng Chính phủ phải bảo đảm có mức độ an toàn tương đương chữ ký số công cộng quy định tại Điều 33 Luật này.</u>	3. Chữ ký số chuyên dùng công vụ phải đáp ứng quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật đối với chữ ký số. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.
	Bổ sung mới	<p>Điều 27. Sử dụng chữ ký điện tử dùng riêng</p> <p>1. Tổ chức sử dụng chữ ký điện tử dùng riêng là tổ chức tạo lập và sử dụng chữ ký điện tử dùng riêng phục vụ các hoạt động của cơ quan, tổ chức mình.</p> <p>2. <u>Tổ chức sử dụng chữ ký điện tử dùng riêng phải đăng ký với Bộ Thông tin và Truyền thông và được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn.</u></p> <p>3. Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký <u>sử dụng</u> chữ ký điện tử dùng riêng được quy định tại Điều này.</p>	<p>Điều 27. Sử dụng chữ ký điện tử dùng riêng</p> <p>1. Tổ chức sử dụng chữ ký điện tử dùng riêng là tổ chức tạo lập và sử dụng chữ ký điện tử dùng riêng phục vụ các hoạt động của cơ quan, tổ chức mình.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức sử dụng chữ ký điện tử dùng riêng muốn công nhận chữ ký điện tử dùng riêng là chữ ký điện tử dùng riêng đủ điều kiện bảo đảm an toàn thì đăng ký với Bộ Thông tin và Truyền thông để được cấp chứng nhận chữ ký điện tử dùng riêng đủ điều kiện bảo đảm an toàn.</p> <p>3. Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký, cấp chứng nhận chữ ký điện tử dùng riêng đủ điều kiện bảo đảm an toàn được quy định tại Điều này.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>Điều 27. <u>Thừa nhận</u> chữ ký điện tử và <u>chứng thư điện tử</u> nước ngoài</p> <p>1. Nhà nước công nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử và chứng thư điện tử nước ngoài <u>nếu</u> chữ ký điện tử hoặc chứng thư điện tử đó có <u>độ tin cậy</u> tương đương với độ tin cậy của chữ ký điện tử và chứng thư điện tử theo quy định của pháp luật. <u>Việc xác định mức độ tin cậy của chữ ký điện tử và chứng thư điện tử nước ngoài phải</u> căn cứ vào các tiêu chuẩn quốc tế đã được thừa nhận, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các yếu tố có liên quan khác.</p>	<p>Sửa đổi</p>	<p>Điều 28. Công nhận và sử dụng chữ ký điện tử nước ngoài</p> <p><u>Nhà nước công nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài khi:</u></p> <p><u>1. Chữ ký điện tử hoặc chứng thư chữ ký điện tử đó có độ đảm bảo an toàn tương đương với độ đảm bảo an toàn của chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật hoặc căn cứ vào các tiêu chuẩn quốc tế đã được thừa nhận, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các yếu tố có liên quan khác.</u></p> <p><u>2. Chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được hình thành dựa trên thông tin định danh đầy đủ đã được xác thực của tổ chức, cá nhân hiện diện tại nước ngoài.</u></p> <p><u>3. Tổ chức phát hành chứng thư điện tử thành lập và hoạt động hợp pháp tại quốc gia mà tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện</u></p>	<p>Điều 28. Công nhận chữ ký điện tử và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài</p> <p>1. Chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài <u>được công nhận khi đáp ứng các điều kiện sau đây:</u></p> <p>a) <u>Phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc các tiêu chuẩn quốc tế đã được thừa nhận hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;</u></p> <p>b) Chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được hình thành dựa trên thông tin định danh đầy đủ đã được xác thực của tổ chức, cá nhân hiện diện tại nước ngoài;</p> <p>c) <u>Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài thành lập và hoạt động hợp pháp tại quốc gia đăng ký hoạt động; có</u></p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>2. Chính phủ quy định cụ thể về việc thừa nhận chữ ký điện tử và chứng thư điện tử nước ngoài.</u></p>		<p><u>từ nước ngoài đăng ký hoạt động; được kiểm định đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử tương đương tại Việt Nam.</u></p> <p><u>4. Kết nối với hệ thống kỹ thuật của Tổ chức chứng thực điện tử quốc gia để đảm bảo cho việc kiểm tra hiệu lực chữ ký điện tử.</u></p> <p><u>5. Đối tượng sử dụng <u>chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài</u> là tổ chức, cá nhân <u>nước ngoài</u> không hiện diện tại Việt Nam.</u></p> <p><u>6. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể về <u>các nội dung</u> thủ tục cho việc công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử nước ngoài.</u></p>	<p><u>báo cáo kiểm toán kỹ thuật của hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử từ tổ chức kiểm toán hoạt động hợp pháp tại quốc gia đăng ký hoạt động;</u></p> <p>d) Kết nối với hệ thống kỹ thuật của tổ chức chứng thực điện tử quốc gia để đảm bảo cho việc kiểm tra hiệu lực chữ ký điện tử;</p> <p>đ) Đối tượng sử dụng là tổ chức, cá nhân nước ngoài; tổ chức, cá nhân Việt Nam có nhu cầu giao dịch điện tử với đối tác nước ngoài mà chứng thư chữ ký điện tử của các tổ chức cung cấp dịch vụ trong nước chưa được công nhận tại nước đó.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể về <u>trình tự</u>, thủ tục cho việc công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài.</p>
		<p>Mục 2 DỊCH VỤ TIN CẬY</p>	<p>Mục 2 DỊCH VỤ TIN CẬY</p>
	<p>Bổ sung</p>	<p>Điều 29. Dịch vụ tin cậy 1. Dịch vụ tin cậy bao gồm:</p>	<p>Điều 29. Dịch vụ tin cậy 1. Dịch vụ tin cậy bao gồm:</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
	mới	<p>a) Dịch vụ cấp dấu thời gian; b) Dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu; c) Dịch vụ chữ ký số công cộng.</p> <p>2. Dịch vụ tin cậy là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. <u>Việc kinh doanh dịch vụ tin cậy phải tuân thủ quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</u></p> <p>3. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ tin cậy phải có giấy phép kinh doanh dịch vụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp. Thời hạn của giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy là 10 năm. <u>Đối với dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện theo pháp luật về thương mại điện tử.</u></p> <p>4. <u>Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện cấp, gia hạn, thay đổi, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi giấy phép dịch vụ tin cậy; quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ tin cậy.</u></p> <p>5. Bộ Thông tin và Truyền thông <u>chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm:</u></p>	<p>a) Dịch vụ cấp dấu thời gian; b) Dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu; c) Dịch vụ <i>chứng thực</i> chữ ký số công cộng.</p> <p>2. Dịch vụ tin cậy là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. <i>Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện kinh doanh dịch vụ tin cậy.</i></p> <p>3. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ tin cậy phải có giấy phép kinh doanh dịch vụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp. <i>Doanh nghiệp được quyền đăng ký một hoặc các dịch vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều này.</i> Thời hạn của giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy là 10 năm.</p> <p>4. <i>Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định quy trình, thủ tục, hồ sơ</i></p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p>a) Quy định về quy trình, thủ tục, hồ sơ cấp mới, gia hạn, thay đổi, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi giấy phép dịch vụ tin cậy;</p> <p>b) Xây dựng, ban hành quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật đối với dịch vụ tin cậy.</p>	<p>cấp, gia hạn, thay đổi, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi giấy phép dịch vụ tin cậy.</p>
Bổ sung mới		<p>Điều 30. Dịch vụ cấp dấu thời gian</p> <p>1. Dịch vụ cấp dấu thời gian là dịch vụ để gắn thông tin về thời gian vào thông điệp dữ liệu dưới dạng dấu thời gian.</p> <p>2. Dấu thời gian được tạo ra dưới dạng chữ ký số.</p> <p>3. Thời gian được gắn vào thông điệp dữ liệu là thời gian mà tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian nhận được thông điệp dữ liệu đó và được chứng thực bởi tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian.</p> <p>4. Nguồn thời gian của các tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian phải tuân theo các quy định của pháp luật về nguồn thời gian chuẩn quốc gia.</p> <p>5. Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số chuyên dùng <u>Chính phủ</u> cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian trong hoạt động công vụ.</p>	<p>Điều 32. Dịch vụ cấp dấu thời gian</p> <p>1. Dịch vụ cấp dấu thời gian là dịch vụ để gắn thông tin về thời gian vào thông điệp dữ liệu dưới dạng dấu thời gian.</p> <p>2. Dấu thời gian được tạo ra dưới dạng chữ ký số.</p> <p>3. Thời gian được gắn vào thông điệp dữ liệu là thời gian mà tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian nhận được thông điệp dữ liệu đó và được chứng thực bởi tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian.</p> <p>4. Nguồn thời gian của các tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian phải tuân theo các quy định của pháp luật về nguồn thời gian chuẩn quốc gia.</p> <p>5. Tổ chức cung cấp dịch vụ <i>chứng thực</i> chữ ký số chuyên dùng <i>công vụ</i> cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian trong hoạt động công vụ.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
	Bổ sung mới	<p>Điều 31. Dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu</p> <p><i>Dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu bao gồm:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Dịch vụ lưu trữ và xác nhận tính nguyên vẹn của thông điệp dữ liệu. 2. Dịch vụ gửi, nhận thông điệp dữ liệu bảo đảm. 	<p>Điều 33. Dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu</p> <p>Dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Dịch vụ lưu trữ và xác nhận tính nguyên vẹn của thông điệp dữ liệu. 2. Dịch vụ gửi, nhận thông điệp dữ liệu bảo đảm.
	Bổ sung mới	<p>Điều 32. Dịch vụ chữ ký số công cộng</p> <p>1. Dịch vụ chữ ký số công cộng bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Hoạt động phát hành chứng thư chữ ký số; b) Hoạt động chứng thực chữ ký số. <p>2. Hoạt động phát hành chứng thư chữ ký số là hoạt động như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Cung cấp phương thức và môi trường tạo lập chữ ký số; b) Phát hành chứng thư chữ ký số giúp xác nhận và duy trì trạng thái hiệu lực chứng thư chữ ký số của chủ thể ký thông điệp dữ liệu. 	<p>Điều 34. Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng</p> <p>1. Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Hoạt động phát hành, thu hồi chứng thư chữ ký số; b) Hoạt động chứng thực chữ ký số. <p>2. Hoạt động phát hành, thu hồi chứng thư chữ ký số là hoạt động như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Cung cấp phương thức và môi trường tạo lập chữ ký số; b) Phát hành chứng thư chữ ký số giúp xác nhận và duy trì trạng thái hiệu lực chứng thư chữ ký số của chủ thể ký thông điệp dữ liệu. c) Thu hồi chứng thư chữ ký số.

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p>3. Hoạt động chứng thực chữ ký số là hoạt động kiểm tra hiệu lực chữ ký số và duy trì trạng thái hiệu lực của chứng thư chữ ký số.</p> <p>4. Tổ chức chứng thực điện tử quốc gia quản lý việc phát hành, thu hồi chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng.</p>	<p>3. Hoạt động chứng thực chữ ký số là hoạt động kiểm tra hiệu lực chữ ký số và duy trì trạng thái hiệu lực của chứng thư chữ ký số.</p> <p>4. Tổ chức chứng thực điện tử quốc gia quản lý việc phát hành, thu hồi chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.</p>
	Bổ sung mới	<p><u>Điều 33. Điều kiện cung cấp dịch vụ tin cậy</u></p> <p><u>1. Có đủ số lượng nhân sự quản lý và kỹ thuật đáp ứng được yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với loại hình dịch vụ tin cậy.</u></p> <p><u>2. Có tài liệu thuyết minh phương án kinh doanh phù hợp với loại hình dịch vụ tin cậy.</u></p> <p><u>3. Có hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin mạng và an ninh mạng, hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất phù hợp với phương án kinh doanh dịch vụ.</u></p>	<p><u>Điều 30. Điều kiện kinh doanh dịch vụ tin cậy</u></p> <p>1. Có đủ số lượng nhân sự quản lý và kỹ thuật đáp ứng được yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với loại hình dịch vụ tin cậy.</p> <p>2. Có hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin mạng và an ninh mạng theo pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; cơ sở vật chất phù hợp với phương án kinh doanh dịch vụ.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><u>4. Có tài liệu thuyết minh phương án kỹ thuật phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan.</u></p> <p><u>5. Có tài liệu thuyết minh phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ giám sát, kiểm tra, báo cáo số liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước về dịch vụ tin cậy.</u></p>	<p>3. Có tài liệu thuyết minh phương án kỹ thuật phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan.</p> <p>4. Có tài liệu thuyết minh phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ giám sát, kiểm tra, báo cáo số liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước về dịch vụ tin cậy.</p>
	Bổ sung mới	<p>Điều 34. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy</p> <p>1. Công bố công khai quy trình đăng ký sử dụng dịch vụ, các biểu mẫu và chi phí liên quan.</p> <p>2. Bảo đảm kênh tiếp nhận thông tin và cung cấp dịch vụ liên tục 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần.</p> <p>3. Thực hiện chế độ lưu trữ hồ sơ, tài liệu và kết nối, cung cấp thông tin, số liệu báo cáo hoạt động với hệ thống giám sát của cơ quan nhà nước theo quy định.</p> <p>4. Bảo đảm <u>sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ giám sát, kiểm tra, báo cáo số liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước về</u></p>	<p>Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy</p> <p>1. Công bố công khai quy trình đăng ký sử dụng dịch vụ, các biểu mẫu và chi phí liên quan.</p> <p>2. Bảo đảm kênh tiếp nhận thông tin và cung cấp dịch vụ liên tục 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần.</p> <p>3. Thực hiện chế độ lưu trữ hồ sơ, tài liệu và kết nối, cung cấp thông tin, số liệu báo cáo hoạt động với hệ thống giám sát của cơ quan nhà nước theo quy định.</p> <p>4. Bảo đảm <u>trang thiết bị trong hệ thống thông tin được cấp mã quản lý, sẵn sàng kết nối kỹ</u></p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><u>dịch vụ tin cậy.</u></p> <p>5. Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, tạm dừng, chấm dứt cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>6. Hệ thống thông tin phục vụ cung cấp dịch vụ tin cậy đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin mạng tối thiểu cấp độ 3 theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.</p> <p>7. Định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông về tình hình kinh doanh dịch vụ tin cậy trước ngày 30 tháng 01.</p>	<p><i>thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về dịch vụ tin cậy.</i></p> <p>5. Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, tạm dừng, chấm dứt cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>6. Hệ thống thông tin phục vụ cung cấp dịch vụ tin cậy đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin mạng tối thiểu cấp độ 3 theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.</p> <p>7. Định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông về tình hình kinh doanh dịch vụ tin cậy trước ngày 30 tháng 01.</p> <p>8. <i>Nộp phí dịch vụ duy trì hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.</i></p>
<p><u>Mục 2</u> <u>DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ</u> <u>ĐIỆN TỬ</u></p>			
<p><u>Điều 28. Hoạt động dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử</u></p>	<p>Lược bỏ</p>		

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>1. Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, phục hồi, thu hồi chứng thư điện tử.</u></p> <p><u>2. Cung cấp thông tin cần thiết để giúp chứng thực chữ ký điện tử của người ký thông điệp dữ liệu.</u></p> <p><u>3. Cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến chữ ký điện tử và chứng thực chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật.</u></p>			
<p><u>Điều 29. Nội dung của chứng thư điện tử</u></p> <p><u>1. Thông tin về tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử.</u></p> <p><u>2. Thông tin về cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp chứng thư điện tử.</u></p> <p><u>3. Số hiệu của chứng thư điện tử.</u></p> <p><u>4. Thời hạn có hiệu lực của chứng thư điện tử.</u></p> <p><u>5. Dữ liệu để kiểm tra chữ ký điện tử của người được cấp chứng thư điện tử.</u></p> <p><u>6. Chữ ký điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử.</u></p> <p><u>7. Các hạn chế về mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư điện tử.</u></p>	Lược bỏ		

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>8. Các hạn chế về trách nhiệm pháp lý của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử.</u></p> <p><u>9. Các nội dung khác theo quy định của Chính phủ.</u></p>			
<p><u>Điều 30. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử</u></p> <p><u>1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử bao gồm tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử công cộng và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng được phép thực hiện các hoạt động chứng thực chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>2. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử công cộng là tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng trong các hoạt động công cộng. Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử công cộng là hoạt động kinh doanh có điều kiện theo quy định của</u></p>	Lược bỏ		

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>pháp luật.</u></p> <p><u>3. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng là tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng trong các hoạt động chuyên ngành hoặc lĩnh vực. Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử.</u></p> <p><u>4. Chính phủ quy định cụ thể việc thành lập, tổ chức, đăng ký kinh doanh, hoạt động và việc công nhận lẫn nhau của các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.</u></p>			
<p><u>Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử</u></p> <p><u>1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</u></p>	Lược bỏ		

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>a) <u>Thực hiện các hoạt động dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử quy định tại Điều 28 của Luật này;</u></p> <p>b) <u>Tuân thủ quy định của pháp luật về tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử;</u></p> <p>c) <u>Sử dụng hệ thống thiết bị kỹ thuật, quy trình và nguồn lực tin cậy để thực hiện công việc của mình;</u></p> <p>d) <u>Bảo đảm tính chính xác và sự toàn vẹn của các nội dung cơ bản trong chứng thư điện tử do mình cấp;</u></p> <p>đ) <u>Công khai thông tin về chứng thư điện tử đã cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, phục hồi hoặc bị thu hồi;</u></p> <p>e) <u>Cung cấp phương tiện thích hợp cho phép các bên chấp nhận chữ ký điện tử và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể dựa vào chứng thư điện tử để xác định chính xác nguồn gốc của thông điệp dữ liệu và chữ ký điện tử;</u></p> <p>g) <u>Thông báo cho các bên liên quan trong trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến</u></p>			

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>việc chứng thực chữ ký điện tử;</u></p> <p><u>h) Thông báo công khai và thông báo cho những người được cấp chứng thư điện tử, cho cơ quan quản lý có liên quan trong thời hạn chín mươi ngày trước khi tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động;</u></p> <p><u>i) Lưu trữ các thông tin có liên quan đến chứng thư điện tử do mình cấp trong thời hạn ít nhất là năm năm, kể từ khi chứng thư điện tử hết hiệu lực;</u></p> <p><u>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>2. Chính phủ quy định chi tiết các quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử quy định tại khoản 1 Điều này.</u></p>			
<p><u>Mục 3</u> <u>QUẢN LÝ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC</u> <u>CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ</u></p>			
<p><u>Điều 32. Các điều kiện để được cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử</u></p> <p><u>1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử phải có đủ các điều kiện</u></p>	Lược bỏ		

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>sau đây:</u></p> <p>a) <u>Có đủ nhân viên kỹ thuật chuyên nghiệp và nhân viên quản lý phù hợp với việc cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử;</u></p> <p>b) <u>Có đủ phương tiện và thiết bị kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn an ninh, an toàn quốc gia;</u></p> <p>c) <u>Đăng ký hoạt động với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử.</u></p> <p><u>2. Chính phủ quy định cụ thể về các nội dung sau đây:</u></p> <p>a) <u>Trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử;</u></p> <p>b) <u>Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, nhân lực và các điều kiện cần thiết khác đối với hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử;</u></p> <p>c) <u>Nội dung và hình thức của chứng thư điện tử;</u></p> <p>d) <u>Thủ tục cấp, gia hạn, tạm đình chỉ,</u></p>			

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>phục hồi và thu hồi chứng thư điện tử; đ) <u>Chế độ lưu trữ và công khai các thông tin liên quan đến chứng thư điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử cấp;</u> e) <u>Điều kiện, thủ tục để tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài có thể được cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử tại Việt Nam;</u> g) <u>Các nội dung cần thiết khác đối với hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử.</u></p>			
Chương IV GIAO KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ		Chương IV GIAO KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ	Chương IV GIAO KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ
Điều 33. Hợp đồng điện tử Hợp đồng điện tử là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu <u>theo quy định của Luật này.</u>	Lược bỏ		
Điều 34. Thừa nhận giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử không thể bị phủ nhận chỉ vì hợp đồng	Sửa đổi	Điều 35. Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử 1. Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử không thể bị phủ nhận chỉ vì hợp đồng đó	Điều 35. Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử 1. Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử không thể bị phủ nhận chỉ vì hợp đồng đó được thể

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.		<p>được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.</p> <p><u>2. Hợp đồng được giao kết hoặc thực hiện giữa chủ quản hoặc bên sử dụng hệ thống thông tin tự động với một người hoặc giữa các chủ quản hoặc các bên sử dụng hệ thống thông tin tự động với nhau thông qua sự tương tác giữa hệ thống thông tin tự động với người hoặc giữa các hệ thống thông tin tự động với nhau không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì không có sự kiểm tra hay can thiệp của con người vào từng hành động cụ thể do các hệ thống thông tin tự động thực hiện hay hợp đồng được giao kết.</u></p> <p><u>3. Hợp đồng được giao kết hoặc thực hiện thông qua sự tương tác giữa một hệ thống thông tin tự động với một người hoặc giữa các hệ thống thông tin tự động với nhau không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì không có sự kiểm tra hay can thiệp của con người vào từng hành động cụ thể do các hệ thống thông tin tự động thực hiện hay hợp đồng được giao kết.</u></p> <p>4. Lỗi nhập thông tin trong giao kết hợp</p>	<p>hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.</p> <p>2. Hợp đồng được giao kết hoặc thực hiện không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì không có sự kiểm tra hay can thiệp của con người vào từng hành động cụ thể do các hệ thống thông tin tự động giao kết hoặc thực hiện.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><u>đồng điện tử: Trường hợp một bên mắc lỗi nhập thông tin giao kết hợp đồng điện tử thông qua hệ thống thông tin tự động mà hệ thống thông tin tự động đó không cung cấp cho bên đó cơ hội sửa lỗi, thì bên mắc lỗi nhập thông tin có quyền rút lại thông tin giao kết đã nhập nếu đáp ứng các điều kiện:</u></p> <p><u>a) Bên giao kết mắc lỗi nhập thông tin đã có thông báo về lỗi nhập thông tin của mình cho các bên tham gia giao kết ngay khi nhận ra lỗi;</u></p> <p><u>b) Bên giao kết mắc lỗi nhập thông tin chưa sử dụng hoặc nhận được bất kỳ lợi ích nào (nếu có) từ các bên tham gia giao kết.</u></p>	
<p>Điều 36. Giao kết hợp đồng điện tử</p> <p>1. Giao kết hợp đồng điện tử là việc sử dụng thông điệp dữ liệu để tiến hành một phần hoặc toàn bộ giao dịch trong quá trình giao kết hợp đồng.</p> <p>2. Trong giao kết hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, đề nghị giao kết hợp đồng và chấp nhận giao kết</p>	<p>Sửa đổi</p>	<p>Điều 36. Giao kết hợp đồng trên môi trường điện tử</p> <p>1. Giao kết hợp đồng trên môi trường điện tử là việc sử dụng thông điệp dữ liệu để tiến hành một phần hoặc toàn bộ giao dịch trong quá trình giao kết hợp đồng <i>điện tử</i>.</p> <p>2. Trong giao kết hợp đồng <i>trên môi trường điện tử</i>, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, đề nghị giao kết và chấp nhận giao kết</p>	<p>Điều 36. Giao kết hợp đồng trên môi trường điện tử</p> <p>1. Giao kết hợp đồng trên môi trường điện tử là việc sử dụng thông điệp dữ liệu để tiến hành một phần hoặc toàn bộ giao dịch trong quá trình giao kết hợp đồng điện tử.</p> <p>2. Trong giao kết hợp đồng trên môi trường điện tử, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, đề nghị giao kết và chấp nhận giao kết</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>hợp đồng có thể được thực hiện thông qua thông điệp dữ liệu.</p>		<p>có thể được thực hiện thông qua thông điệp dữ liệu.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết về giao kết hợp đồng trên môi trường điện tử.</p>	<p>có thể được thực hiện thông qua thông điệp dữ liệu.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết về giao kết hợp đồng trên môi trường điện tử.</p>
<p>Điều 35. Nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử</p> <p>1. Các bên tham gia có quyền thỏa thuận sử dụng phương tiện điện tử trong giao kết và thực hiện hợp đồng.</p> <p>2. Việc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử phải tuân thủ các quy định của Luật này và pháp luật về hợp đồng.</p> <p>3. Khi giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, các bên có quyền thỏa thuận về yêu cầu kỹ thuật, chứng thực, các điều kiện bảo đảm tính toàn vẹn, bảo mật có liên quan đến hợp đồng điện tử đó.</p>	<p>Sửa đổi</p>	<p>Điều 37. Nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử trên môi trường điện tử</p> <p>1. Các bên tham gia có quyền thỏa thuận sử dụng <i>thông điệp dữ liệu</i>, phương tiện điện tử <i>một phần hoặc toàn bộ</i> trong giao kết và thực hiện hợp đồng <i>điện tử</i>.</p> <p>2. Việc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử <i>trên môi trường điện tử</i> phải tuân thủ các quy định của Luật này và pháp luật về hợp đồng.</p> <p>3. Khi giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, <i>ngoài thỏa thuận về nội dung, hình thức của hợp đồng</i>, các bên có quyền thỏa thuận về yêu cầu kỹ thuật, chứng thực, các điều kiện bảo đảm tính <u>toàn</u> vẹn, bảo mật có liên quan đến hợp đồng điện tử đó.</p>	<p>Điều 37. Nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử trên môi trường điện tử</p> <p>1. Các bên tham gia có quyền thỏa thuận sử dụng thông điệp dữ liệu, phương tiện điện tử một phần hoặc toàn bộ trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử.</p> <p>2. Việc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử trên môi trường điện tử phải tuân thủ các quy định của Luật này và pháp luật về hợp đồng.</p> <p>3. Khi giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, ngoài thỏa thuận về nội dung, hình thức của hợp đồng, các bên có quyền thỏa thuận về yêu cầu kỹ thuật, chứng thực, các điều kiện bảo đảm tính <i>nguyên</i> vẹn, bảo mật có liên quan đến hợp đồng điện tử đó.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>Điều 37. Việc nhận, gửi, thời điểm, địa điểm nhận, gửi thông điệp dữ liệu trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử</p> <p>Việc nhận, gửi, thời điểm, địa điểm nhận, gửi thông điệp dữ liệu trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử được thực hiện theo quy định tại các điều 17, 18, 19 và 20 của Luật này.</p>	Sửa đổi	<p>Điều 38. Việc nhận, gửi, thời điểm, địa điểm nhận, gửi thông điệp dữ liệu trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử trên môi trường điện tử</p> <p>Việc nhận, gửi, thời điểm, địa điểm nhận, gửi thông điệp dữ liệu trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử được thực hiện theo quy định tại các điều 16, 17, 18, 19 và 20 của Luật này.</p>	<p>Điều 38. Việc nhận, gửi, thời điểm, địa điểm nhận, gửi thông điệp dữ liệu trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử trên môi trường điện tử</p> <p>Việc nhận, gửi, thời điểm, địa điểm nhận, gửi thông điệp dữ liệu trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử được thực hiện theo quy định tại các điều 16, 17, 18, 19 và 20 của Luật này.</p>
<p>Điều 38. Giá trị pháp lý của thông báo trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử</p> <p>Trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, thông báo dưới dạng thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý như thông báo bằng phương pháp truyền thống.</p>	Giữ nguyên	<p>Điều 39. Giá trị pháp lý của thông báo trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử</p> <p>Trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, thông báo dưới dạng thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý như thông báo bằng phương pháp truyền thống.</p>	<p>Điều 39. Giá trị pháp lý của thông báo trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử</p> <p>Trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, thông báo dưới dạng thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý như thông báo bằng phương pháp truyền thống.</p>
<p>Chương V GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC</p>		<p>Chương V GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC</p>	<p>Chương V GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC</p>
<p>Điều 39. Các loại hình giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước</p>	Sửa đổi	<p>Điều 40. Các loại hình giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước</p> <p><i>Các loại hình giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước gồm:</i></p>	<p>Điều 40. Các loại hình giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước</p> <p>Các loại hình giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước gồm:</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>1. Giao dịch điện tử <u>trong nội bộ</u> cơ quan nhà nước.</p> <p>2. Giao dịch điện tử giữa các cơ quan nhà nước với nhau.</p> <p>3. Giao dịch điện tử giữa cơ quan nhà nước với <u>cơ quan</u>, tổ chức, cá nhân.</p>		<p>1. <i>Giao dịch điện tử trong nội bộ cơ quan nhà nước.</i></p> <p>2. <i>Giao dịch điện tử giữa các cơ quan nhà nước với nhau.</i></p> <p>3. <i>Giao dịch điện tử giữa cơ quan nhà nước với cơ quan, tổ chức, cá nhân.</i></p>	<p>1. Giao dịch điện tử trong nội bộ cơ quan nhà nước.</p> <p>2. Giao dịch điện tử giữa các cơ quan nhà nước với nhau.</p> <p>3. Giao dịch điện tử giữa cơ quan nhà nước với cơ quan, tổ chức, cá nhân.</p>
	Bổ sung mới	<p>Điều 41. Quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu</p> <p>1. <i>Dữ liệu trong cơ quan nhà nước được tổ chức thống nhất, được phân cấp quản lý theo trách nhiệm quản lý của cơ quan nhà nước nhằm thúc đẩy giao dịch điện tử; được chia sẻ phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>2. <i>Cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước bao gồm cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương và cơ sở dữ liệu khác.</i></p> <p>3. <i>Cơ sở dữ liệu quốc gia:</i></p>	<p>Điều 41. Quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu</p> <p>1. Dữ liệu trong cơ quan nhà nước được tổ chức thống nhất, được phân cấp quản lý theo trách nhiệm quản lý của cơ quan nhà nước nhằm thúc đẩy giao dịch điện tử; được chia sẻ phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước bao gồm cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương và cơ sở dữ liệu khác.</p> <p>3. Cơ sở dữ liệu quốc gia:</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p>a) Cơ sở dữ liệu quốc gia chứa dữ liệu chủ làm cơ sở tham chiếu, đồng bộ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương;</p> <p>b) Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia có giá trị pháp lý tương đương các văn bản giấy chứa thông tin được cơ quan có thẩm quyền cung cấp;</p> <p>c) Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia được chia sẻ với các bộ, ngành, địa phương phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội;</p> <p>d) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục, cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia. Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia phải thể hiện được các nội dung bao gồm tên cơ sở dữ liệu quốc gia; mục tiêu xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia; phạm vi dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia; thông tin về dữ liệu chủ của cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ lưu trữ và chia sẻ; đối tượng và mục đích sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia; nguồn thông tin sẽ</p>	<p>a) Cơ sở dữ liệu quốc gia chứa dữ liệu chủ làm cơ sở tham chiếu, đồng bộ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương;</p> <p>b) Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia có giá trị pháp lý tương đương các văn bản giấy chứa thông tin được cơ quan có thẩm quyền cung cấp;</p> <p>c) Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia được chia sẻ với các bộ, ngành, địa phương phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội;</p> <p>d) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục, cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia. Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia phải thể hiện được các nội dung bao gồm tên cơ sở dữ liệu quốc gia; mục tiêu xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia; phạm vi dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia; thông tin về dữ liệu chủ của cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ lưu trữ và chia sẻ; đối tượng và mục đích sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia; nguồn thông tin sẽ xây dựng</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><i>xây dựng và cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia; phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia.</i></p> <p><i>4. Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương:</i></p> <p><i>a) Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương là cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, ngành, địa phương;</i></p> <p><i>b) Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương có giá trị pháp lý tương đương các văn bản giấy chứa thông tin do bộ, ngành, địa phương cung cấp;</i></p> <p><i>c) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành quyết định phê duyệt danh mục, cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu bộ, ngành, địa phương. Danh mục cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương phải thể hiện được các nội dung bao gồm tên cơ sở dữ liệu; mô tả mục đích, phạm vi, nội dung của từng cơ sở dữ liệu; cơ chế thu thập, cập nhật, nguồn dữ liệu được thu thập của từng cơ sở</i></p>	<p>và cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia; phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia.</p> <p>4. Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương:</p> <p>a) Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương là cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, ngành, địa phương;</p> <p>b) Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương có giá trị pháp lý tương đương các văn bản giấy chứa thông tin do bộ, ngành, địa phương cung cấp;</p> <p>c) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành quyết định phê duyệt danh mục, cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu bộ, ngành, địa phương. Danh mục cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương phải thể hiện được các nội dung bao gồm tên cơ sở dữ liệu; mô tả mục đích, phạm vi, nội dung của từng cơ sở dữ liệu; cơ chế thu thập, cập nhật, nguồn dữ liệu được thu thập của từng cơ sở dữ liệu; liệt</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<i>dữ liệu; liệt kê các hạng mục dữ liệu bao gồm dữ liệu mở và dữ liệu được chia sẻ.</i>	kê các hạng mục dữ liệu bao gồm dữ liệu mở và dữ liệu được chia sẻ. <i>5. Nhà nước bảo đảm một phần hoặc toàn bộ kinh phí xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương.</i>
	Bổ sung mới	<p>Điều 42. Tạo lập, thu thập dữ liệu</p> <p>1. Việc tạo lập, thu thập dữ liệu nhằm phát triển dữ liệu số có mức độ ưu tiên cao nhất trong phát triển chính phủ số để thúc đẩy giao dịch điện tử, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước.</p> <p>2. Việc tạo lập dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước phải sử dụng thống nhất các bảng mã danh mục dùng chung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, thống nhất với dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia.</p> <p>3. Cơ quan nhà nước không được thu thập, tổ chức thu thập lại dữ liệu hoặc yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp lại dữ liệu mà cơ quan đó đang quản lý hoặc dữ liệu đó được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ, trừ</p>	<p>Điều 42. Tạo lập, thu thập dữ liệu</p> <p>1. Việc tạo lập, thu thập dữ liệu nhằm phát triển dữ liệu số có mức độ ưu tiên cao nhất trong phát triển chính phủ số để thúc đẩy giao dịch điện tử, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước.</p> <p>2. Việc tạo lập dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước phải sử dụng thống nhất các bảng mã danh mục dùng chung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, thống nhất với dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia.</p> <p>3. Cơ quan nhà nước không được thu thập, tổ chức thu thập lại dữ liệu hoặc yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp lại dữ liệu mà cơ quan đó đang quản lý hoặc dữ liệu đó được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ, trừ trường</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SỐ SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p>trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu phục vụ cập nhật hoặc sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra dữ liệu hoặc dữ liệu đó không bảo đảm yêu cầu về chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành hoặc pháp luật có quy định khác.</p> <p>4. Bộ Thông tin và Truyền thông <u>thu thập</u> và công bố danh sách các cơ quan cung cấp dữ liệu, danh mục dữ liệu được cung cấp làm cơ sở để các cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng; thu thập, quản lý dữ liệu danh mục dùng chung trong phạm vi cả nước cung cấp cho các cơ quan có nhu cầu.</p>	<p>hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu phục vụ cập nhật hoặc sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra dữ liệu hoặc dữ liệu đó không bảo đảm yêu cầu về chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành hoặc pháp luật có quy định khác.</p> <p>4. Bộ Thông tin và Truyền thông <u>tổng hợp</u> và công bố danh sách các cơ quan cung cấp dữ liệu, danh mục dữ liệu được cung cấp làm cơ sở để các cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng; thu thập, quản lý dữ liệu danh mục dùng chung trong phạm vi cả nước cung cấp cho các cơ quan có nhu cầu.</p>
	Bổ sung mới	<p>Điều 43. Kết nối, chia sẻ dữ liệu</p> <p>1. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm bảo đảm khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân, phục vụ giao dịch điện tử, bao gồm:</p> <p>a) Nhân lực thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu được tận dụng từ nguồn nhân lực tại chỗ đang thực hiện quản lý, vận hành các hệ thống thông tin hoặc nhân lực khác có liên quan trong cơ quan nhà nước hoặc thực hiện</p>	<p>Điều 43. Kết nối, chia sẻ dữ liệu</p> <p>1. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm bảo đảm khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân, phục vụ giao dịch điện tử, bao gồm:</p> <p>a) Nhân lực thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu được tận dụng từ nguồn nhân lực tại chỗ đang thực hiện quản lý, vận hành các hệ thống thông tin hoặc nhân lực khác có liên quan trong cơ quan nhà nước hoặc thực hiện thuê</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><i>thuê chuyên gia trong trường hợp nhân lực tại chỗ không đáp ứng được;</i></p> <p><i>b) Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước để xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước phải có hạng mục phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu. Trong trường hợp không có hạng mục này, phải có thuyết minh chứng minh về việc không có hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu trong quá trình vận hành, khai thác;</i></p> <p><i>c) Ban hành và công bố công khai quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu đối với các cơ sở dữ liệu thuộc thẩm quyền quản lý;</i></p> <p><i>d) Áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu trong quá trình kết nối, chia sẻ theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>2. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật; không cung cấp thông tin qua hình thức văn bản giấy đối với</i></p>	<p>chuyên gia trong trường hợp nhân lực tại chỗ không đáp ứng được;</p> <p>b) Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước để xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước phải có hạng mục phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu. Trong trường hợp không có hạng mục này, phải có thuyết minh chứng minh về việc không có hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu trong quá trình vận hành, khai thác;</p> <p>c) Ban hành và công bố công khai quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu đối với các cơ sở dữ liệu thuộc thẩm quyền quản lý;</p> <p>d) Áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu trong quá trình kết nối, chia sẻ theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật; không cung cấp thông</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><i>thông tin đã được khai thác qua hình thức kết nối, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin, trừ trường hợp đặc biệt mà pháp luật có quy định khác. <u>Dữ liệu chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước là không thu phí</u>, trừ trường hợp khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc danh mục được quy định trong Luật phí và lệ phí.</i></p> <p><i>3. Cơ quan nhà nước áp dụng phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến trên môi trường mạng giữa các hệ thống thông tin của cơ quan cung cấp dữ liệu và cơ quan khai thác dữ liệu, trừ trường hợp thông tin liên quan đến bí mật nhà nước hoặc yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh. Trong trường hợp không áp dụng phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.</i></p> <p><i>4. Cơ quan nhà nước áp dụng mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu theo thứ tự ưu tiên như sau:</i></p>	<p>tin qua hình thức văn bản giấy đối với thông tin đã được khai thác qua hình thức kết nối, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin, trừ trường hợp đặc biệt mà pháp luật có quy định khác. <i>Không thu phí việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước</i>, trừ trường hợp khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc danh mục được quy định trong Luật Phí và Lệ phí..</p> <p>3. Cơ quan nhà nước <i>phải</i> áp dụng phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến trên môi trường mạng giữa các hệ thống thông tin của cơ quan cung cấp dữ liệu và cơ quan khai thác dữ liệu, trừ trường hợp thông tin liên quan đến bí mật nhà nước hoặc yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh. Trong trường hợp không áp dụng phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.</p> <p>4. Cơ quan nhà nước áp dụng mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <p>a) Kết nối, chia sẻ qua các hệ thống trung gian: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p>a) Kết nối, chia sẻ qua các hệ thống trung gian: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp bộ, cấp tỉnh theo Khung kiến trúc chính phủ điện tử, chính quyền điện tử đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>b) Kết nối trực tiếp giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khi các hệ thống trung gian chưa sẵn sàng hoặc cơ quan chủ quản các hệ thống trung gian xác định hệ thống trung gian không đáp ứng được yêu cầu về kết nối, chia sẻ dữ liệu.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức khác.</p>	<p>gia; hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp bộ, cấp tỉnh theo Khung kiến trúc chính phủ điện tử, chính quyền điện tử đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>b) Kết nối trực tiếp giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khi các hệ thống trung gian chưa sẵn sàng hoặc cơ quan chủ quản các hệ thống trung gian xác định hệ thống trung gian không đáp ứng được yêu cầu về kết nối, chia sẻ dữ liệu.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức khác.</p>
	Bổ sung mới	<p>Điều 44. Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước</p> <p>1. Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước là dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ. Cơ</p>	<p>Điều 44. Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước</p> <p>1. Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước là dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ. Cơ quan nhà</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><i>quan nhà nước công bố dữ liệu mở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ nhằm thúc đẩy giao dịch điện tử, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số.</i></p> <p><i>2. Dữ liệu mở phải toàn vẹn và phản ánh đầy đủ nội dung thông tin cơ quan nhà nước cung cấp; được cập nhật mới nhất; có khả năng truy cập và sử dụng trên mạng Internet; bảo đảm khả năng thiết bị số có thể gửi, nhận, lưu trữ và xử lý được; tuân thủ định dạng mở; miễn phí.</i></p> <p><i>3. Tổ chức, cá nhân được tự do truy cập sử dụng dữ liệu mở, không yêu cầu khai báo định danh khi khai thác, sử dụng dữ liệu mở.</i></p> <p><i>4. Tổ chức, cá nhân được phép tự do sao chép, chia sẻ, trao đổi, sử dụng dữ liệu mở hoặc kết hợp dữ liệu mở với dữ liệu khác; sử dụng dữ liệu mở vào sản phẩm, dịch vụ thương mại hoặc phi thương mại của mình.</i></p>	<p>nước công bố dữ liệu mở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ nhằm thúc đẩy giao dịch điện tử, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số.</p> <p>2. Dữ liệu mở phải <i>nguyên</i> vẹn và phản ánh đầy đủ nội dung thông tin cơ quan nhà nước cung cấp; được cập nhật mới nhất; có khả năng truy cập và sử dụng trên mạng Internet; bảo đảm khả năng thiết bị số có thể gửi, nhận, lưu trữ và xử lý được; tuân thủ định dạng mở; miễn phí.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân được tự do truy cập sử dụng dữ liệu mở, không yêu cầu khai báo định danh khi khai thác, sử dụng dữ liệu mở.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân được phép tự do sao chép, chia sẻ, trao đổi, sử dụng dữ liệu mở hoặc kết hợp dữ liệu mở với dữ liệu khác; sử dụng dữ liệu mở vào sản phẩm, dịch vụ thương mại hoặc phi thương mại của mình.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p>5. Tổ chức, cá nhân phải trích dẫn, ghi nhận thông tin sử dụng dữ liệu mở trong các sản phẩm, tài liệu liên quan có sử dụng dữ liệu mở.</p> <p>6. Cơ quan nhà nước không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh của cơ quan, tổ chức, cá nhân do việc sử dụng dữ liệu mở gây ra.</p> <p>7. Chính phủ quy định chi tiết về dữ liệu mở và các điều kiện đảm bảo thực hiện các quy định tại Điều này.</p>	<p>5. Tổ chức, cá nhân phải trích dẫn, ghi nhận thông tin sử dụng dữ liệu mở trong các sản phẩm, tài liệu liên quan có sử dụng dữ liệu mở.</p> <p>6. Cơ quan nhà nước không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh của cơ quan, tổ chức, cá nhân do việc sử dụng dữ liệu mở gây ra.</p> <p>7. Chính phủ quy định chi tiết về dữ liệu mở và các điều kiện đảm bảo thực hiện các quy định tại Điều này.</p>
	Bổ sung mới	<p>Điều 45. Hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường điện tử</p> <p>1. Cơ quan nhà nước phải bảo đảm toàn bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc văn bản giấy không thuộc phạm vi bí mật nhà nước đều có bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy, sẵn sàng có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp sử dụng, thúc đẩy giao dịch điện tử.</p>	<p>Điều 45. Hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường điện tử</p> <p>1. Cơ quan nhà nước phải bảo đảm toàn bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc văn bản giấy không thuộc phạm vi bí mật nhà nước đều có bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy, sẵn sàng có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp sử dụng, thúc đẩy giao dịch điện tử. Cơ quan nhà nước phải tiếp nhận, giải quyết</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p>2. Các lĩnh vực hoạt động của cơ quan nhà nước ưu tiên thực hiện toàn trình trên môi trường điện tử bao gồm công tác quản trị nội bộ; chỉ đạo, điều hành; <u>cung cấp dịch vụ công</u>; giám sát, kiểm tra, thanh tra.</p> <p>3. Cơ quan nhà nước phải sẵn sàng phương án trong tình huống khẩn cấp, trong tình huống xảy ra sự cố gián đoạn hoạt động trên môi trường mạng trực tuyến và phương án ứng cứu, khắc phục sự cố, duy trì hoạt động giao dịch bình thường.</p>	<p><i>yêu cầu của tổ chức, cá nhân trên môi trường điện tử; trường hợp không tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do bằng văn bản.</i></p> <p>2. Các lĩnh vực hoạt động của cơ quan nhà nước ưu tiên thực hiện toàn trình trên môi trường điện tử bao gồm: <i>cung cấp dịch vụ công</i>; công tác quản trị nội bộ; chỉ đạo, điều hành; giám sát, kiểm tra, thanh tra.</p> <p>3. Cơ quan nhà nước phải sẵn sàng phương án trong tình huống khẩn cấp, trong tình huống xảy ra sự cố gián đoạn hoạt động trên môi trường mạng trực tuyến và phương án ứng cứu, khắc phục sự cố, duy trì hoạt động giao dịch bình thường.</p> <p>4. Cơ quan nhà nước được thuê chuyên gia từ ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của pháp luật để tư vấn xây dựng cơ sở dữ liệu; thực hiện các hoạt động chuyên môn kỹ thuật về quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn thông tin mạng cho hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><u>4. Chính phủ quy định chi tiết về trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn triển khai các hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường theo thẩm quyền.</u></p>	<p>5. Chính phủ quy định chi tiết việc triển khai các hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường điện tử.</p>
	<p>Bổ sung mới</p>	<p><u>Điều 46. Chính sách hỗ trợ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước</u></p> <p><u>1. Cơ quan nhà nước được thuê chuyên gia để thực hiện tư vấn xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương; thực hiện các hoạt động chuyên môn kỹ thuật phục vụ quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các hệ thống kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu, các hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước. Kinh phí thuê chuyên gia được cấp từ ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>2. Cơ quan nhà nước áp dụng các chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước.</u></p>	

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>Điều 40. Nguyên tắc tiến hành giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước</u></p> <p><u>1. Các nguyên tắc quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 5 của Luật này.</u></p> <p><u>2. Việc giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước phải phù hợp với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</u></p> <p><u>3. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ động thực hiện từng phần hoặc toàn bộ giao dịch trong nội bộ cơ quan hoặc với cơ quan khác của Nhà nước bằng phương tiện điện tử.</u></p> <p><u>4. Căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và tình hình cụ thể, cơ quan nhà nước xác định một lô trình hợp lý sử dụng phương tiện điện tử trong các loại hình giao dịch quy định tại Điều 39 của Luật này.</u></p> <p><u>5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn phương thức giao dịch với cơ quan nhà nước nếu cơ quan nhà nước đó</u></p>	Lược bỏ		

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>đồng thời chấp nhận giao dịch theo phương thức truyền thông và phương tiện điện tử, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</u></p> <p><u>6. Khi tiến hành giao dịch điện tử, cơ quan nhà nước phải quy định cụ thể về:</u></p> <p><u>a) Định dạng, biểu mẫu của thông điệp dữ liệu</u></p> <p><u>b) Loại chữ ký điện tử, chứng thực chữ ký điện tử trong trường hợp giao dịch điện tử cần có chữ ký điện tử, chứng thực chữ ký điện tử;</u></p> <p><u>c) Các quy trình bảo đảm tính toàn vẹn, an toàn và bí mật của giao dịch điện tử.</u></p> <p><u>7. Việc cung cấp dịch vụ công của cơ quan nhà nước dưới hình thức điện tử được xác lập trên cơ sở quy định của cơ quan đó nhưng không được trái với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</u></p>			
<p><u>Điều 41. Bảo đảm an toàn, bảo mật và lưu trữ thông tin điện tử trong cơ quan</u></p>	<p>Lược bỏ</p>		

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>nhà nước</u></p> <p><u>1. Định kỳ kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử của cơ quan mình trong quá trình giao dịch điện tử.</u></p> <p><u>2. Bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến giao dịch điện tử, không được sử dụng thông tin vào mục đích khác trái với quy định về việc sử dụng thông tin đó, không tiết lộ thông tin cho bên thứ ba theo quy định của pháp luật</u></p> <p><u>3. Bảo đảm tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu trong giao dịch điện tử do mình tiến hành; bảo đảm an toàn trong vận hành của hệ thống mạng máy tính của cơ quan mình.</u></p> <p><u>4. Thành lập cơ sở dữ liệu về các giao dịch tương ứng, bảo đảm an toàn thông tin và có biện pháp dự phòng nhằm phục hồi được thông tin trong trường hợp hệ thống thông tin điện tử bị lỗi.</u></p> <p><u>5. Bảo đảm an toàn, bảo mật và lưu trữ thông tin theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên</u></p>			

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SỐ SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
quan.			
<p><u>Điều 42. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong trường hợp hệ thống thông tin điện tử bị lỗi</u></p> <p><u>1. Trong trường hợp hệ thống thông tin điện tử của cơ quan nhà nước bị lỗi, không bảo đảm tính an toàn của thông điệp dữ liệu thì cơ quan đó có trách nhiệm thông báo ngay cho người sử dụng biết về sự cố và áp dụng các biện pháp cần thiết để khắc phục.</u></p> <p><u>2. Cơ quan nhà nước phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu không tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này.</u></p>	Lược bỏ		
<p><u>Điều 43. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước</u></p> <p><u>Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tiến hành giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Luật này, các quy định về giao dịch điện tử do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và các quy định khác của pháp</u></p>	Lược bỏ		

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SỐ SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<u>luật có liên quan.</u>			
		Chương VI HỆ THỐNG THÔNG TIN PHỤC VỤ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ	Chương VI HỆ THỐNG THÔNG TIN PHỤC VỤ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ
	Bổ sung mới	<p><i>Điều 47. Hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử</i></p> <p><i>1. Hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử được phân loại theo các nhóm sau:</i></p> <p><i>a) Phân loại theo chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử, gồm: hệ thống của cơ quan, tổ chức nhà nước; hệ thống của tổ chức, cá nhân Việt Nam; hệ thống của nước ngoài hoạt động xuyên biên giới vào Việt Nam;</i></p> <p><i>b) Phân loại theo loại hình, chức năng, tính năng của hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử, gồm: hệ thống phục vụ cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử; hệ thống phục vụ cung cấp dịch vụ chứng thực thời gian; hệ thống phục vụ cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu; hệ thống phục vụ cung cấp dịch vụ dịch vụ gửi nhận thông điệp dữ</i></p>	<p><i>Điều 46. Hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử</i></p> <p><i>1. Hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử là tập hợp phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu được thiết lập phục vụ mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin trên mạng.</i></p> <p><i>Hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử được phân loại theo chủ quản hệ thống thông tin; chức năng, tính năng của hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử; quy mô, số lượng người sử dụng tại Việt Nam hoặc có số lượng truy cập hàng tháng từ người sử dụng tại Việt Nam.</i></p> <p><i>2. Nền tảng số là hệ thống thông tin tạo môi trường điện tử cho phép các bên thực hiện giao dịch hoặc cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc sử dụng để phát triển sản phẩm, dịch vụ.</i></p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><u>liệu bảo đảm; hệ thống phục vụ cung cấp dịch vụ công tư tuyến; hệ thống phục vụ chia sẻ, kết nối dữ liệu; hệ thống phục vụ hoạt động giao dịch điện tử khác;</u></p> <p><u>c) Phân loại theo loại hình nền tảng số, gồm: nền tảng số trung gian, nền tảng số chuyên ngành; nền tảng số quy mô lớn; nền tảng số khác.</u></p> <p><u>2. Chính phủ quy định về việc phân loại chi tiết, yêu cầu kỹ thuật và điều kiện bảo đảm hoạt động đối với các loại hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều này.</u></p>	<p>3. Nền tảng số trung gian là nền tảng số mà chủ quản nền tảng số độc lập với các bên thực hiện giao dịch.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết việc phân loại, yêu cầu kỹ thuật và điều kiện bảo đảm hoạt động đối với nền tảng số trung gian tại khoản 3 Điều này.</p>
		<p><u>Điều 48. Tài khoản định danh điện tử</u></p> <p><u>1. Tài khoản định danh điện tử do cơ quan có thẩm quyền quản lý về định danh và xác thực điện tử cấp và được quản lý hoạt động, sử dụng theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.</u></p> <p><u>2. Việc thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử phải sử dụng tài khoản định danh điện tử do</u></p>	

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SỐ SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<u>hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an tạo lập.</u>	
	Bổ sung mới	<p>Điều 49. Tài khoản giao dịch điện tử</p> <p>1. Tài khoản giao dịch điện tử do chủ quản hệ thống hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử cấp và được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật này.</p> <p>2. Tài khoản giao dịch điện tử được sử dụng để thực hiện giao dịch điện tử, nhằm lưu trữ lịch sử giao dịch và đảm bảo chính xác trình tự giao dịch của chủ tài khoản, có giá trị chứng minh lịch sử giao dịch của các bên tham gia.</p> <p><u>3. Đối với các giao dịch điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tài khoản giao dịch điện tử được xác định và tuân thủ quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng. Tài khoản giao dịch điện tử sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng phải được định danh và xác thực điện</u></p>	<p>Điều 47. Tài khoản giao dịch điện tử</p> <p>1. Tài khoản giao dịch điện tử do chủ quản hệ thống hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử cấp và được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật này.</p> <p>2. Tài khoản giao dịch điện tử được sử dụng để thực hiện giao dịch điện tử, nhằm lưu trữ lịch sử giao dịch và đảm bảo chính xác trình tự giao dịch của chủ tài khoản, có giá trị chứng minh lịch sử giao dịch của các bên tham gia theo quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn sử dụng tài khoản giao dịch điện tử phù hợp với nhu cầu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><u>tử theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.</u></p> <p><u>4. Đối với các giao dịch điện tử khác, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn sử dụng tài khoản giao dịch điện tử phù hợp với nhu cầu.</u></p> <p><u>5. Trường hợp pháp luật có quy định đối với việc sử dụng lịch sử giao dịch để làm chứng cứ thì yêu cầu này được đáp ứng nếu sử dụng tài khoản giao dịch điện tử đáp ứng các điều kiện sau:</u></p> <p><u>a) Hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin từ cấp độ 3 trở lên theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng;</u></p> <p><u>b) Gắn duy nhất với một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân;</u></p> <p><u>c) Xác nhận giao dịch thông qua chữ ký số và duy trì hiệu lực chữ ký;</u></p> <p><u>d) Bảo đảm chính xác thời gian giao dịch từ nguồn thời gian tin cậy;</u></p>	<p>4. Lịch sử giao dịch của tài khoản giao dịch điện tử có giá trị pháp lý để chứng minh giao dịch khi đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử phải bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.</p> <p>b) Gắn duy nhất với một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân là chủ tài khoản giao dịch;</p> <p>c) Bảo đảm chính xác thời gian giao dịch từ nguồn thời gian tin cậy;</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><u>đ) Bảo đảm toàn vẹn thông tin giao dịch thông qua lưu trữ phi tập trung và đồng bộ hoá liên tục, đảm bảo khả dụng cho các bên tham gia.</u></p> <p><u>6. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho tài khoản giao dịch điện tử.</u></p>	
	Bổ sung mới	<p>Điều 50. Trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin</p> <p>1. Trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử:</p> <p>a) <u>Tuân thủ quy định tại Luật này và pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật khác có liên quan;</u></p> <p>b) <u>Thông báo đầu mối liên hệ và phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định của pháp luật;</u></p> <p>c) <u>Bảo đảm sẵn sàng thực hiện kết nối kỹ thuật phục vụ giám sát, kiểm tra, báo cáo số liệu hoạt động với hệ thống giám sát của cơ quan nhà nước theo quy định của Luật này</u></p>	<p>Điều 48. Trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin</p> <p>1. Trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử:</p> <p>a) Tuân thủ quy định tại Luật này và pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật khác có liên quan;</p> <p>b) <u>Cung cấp thông tin bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ công tác thống kê, kiểm tra theo yêu cầu của</u></p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><u>và pháp luật liên quan.</u></p> <p>2. <u>Trách nhiệm của chủ quản nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử có số lượng người sử dụng tại Việt Nam hoạt động hàng tháng từ 01 triệu trở lên hoặc có số lượng truy cập hàng tháng từ người sử dụng tại Việt Nam từ 10 triệu trở lên liên tục trong 06 tháng:</u></p> <p>a) <u>Tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này;</u></p> <p>b) <u>Công bố công khai và phổ biến cơ chế phản ánh vướng mắc và xử lý vướng mắc phát sinh trong giao dịch điện tử;</u></p> <p>c) <u>Công bố công khai và phổ biến cơ chế phản ánh nội dung vi phạm pháp luật Việt Nam trên nền tảng, có cơ chế ưu tiên riêng để tiếp nhận và xử lý phản ánh từ nguồn phản ánh được đánh giá là tin cậy;</u></p> <p>d) <u>Định kỳ hàng năm chủ động thực hiện rà soát, đánh giá tình hình, đề xuất giải pháp và báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông về các vụ việc đã xảy ra hoặc dấu hiệu, nguy cơ lợi dụng hệ thống thông tin do doanh nghiệp mình cung cấp để thực hiện các hành vi vi</u></p>	<p><u>cơ quan quản lý nhà nước về giao dịch điện tử.</u></p> <p>2. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng số trung gian phục vụ giao dịch điện tử quy mô lớn:</p> <p>a) Tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Công bố công khai và phổ biến cơ chế phản ánh vướng mắc và xử lý vướng mắc phát sinh trong giao dịch điện tử;</p> <p>c) Công bố công khai, phổ biến cơ chế phản ánh và xử lý nội dung vi phạm pháp luật Việt Nam trên nền tảng số trung gian từ nguồn phản ánh được đánh giá là tin cậy;</p> <p>d) Định kỳ hàng năm báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông về các vụ việc đã xảy ra hoặc dấu hiệu, nguy cơ lợi dụng hệ thống thông tin để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><i>phạm pháp luật Việt Nam.</i></p> <p><i>3. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử có số lượng người sử dụng tại Việt Nam hoạt động hàng tháng từ 10 triệu trở lên hoặc có số lượng truy cập hàng tháng từ người sử dụng tại Việt Nam từ 100 triệu trở lên liên tục trong 06 tháng:</i></p> <p><i>a) Tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều này;</i></p> <p><i>b) Công bố công khai các nguyên tắc chung và các thông số hoặc tiêu chí được sử dụng để đưa ra khuyến nghị hiển thị nội dung, hiển thị quảng cáo cho người dùng và cho phép người dùng lựa chọn phương án không sử dụng khuyến nghị, hiển thị nội dung, hiển thị quảng cáo dựa trên phân tích dữ liệu về người dùng;</i></p> <p><i>c) Cho phép người sử dụng tháo gỡ cài đặt bất kỳ ứng dụng nào được cài đặt sẵn mà không ảnh hưởng đến các tính năng kỹ thuật cơ bản để giúp hệ thống vận hành bình thường;</i></p> <p><i>d) Bố trí và thông báo nhân viên chuyên</i></p>	<p><i>3. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng số trung gian phục vụ giao dịch điện tử có quy mô rất lớn:</i></p> <p><i>a) Tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều này;</i></p> <p><i>b) Công bố công khai nguyên tắc chung, thông số hoặc tiêu chí được sử dụng để đưa ra khuyến nghị hiển thị nội dung, hiển thị quảng cáo cho người dùng và cho phép người dùng lựa chọn phương án không sử dụng khuyến nghị, hiển thị nội dung, hiển thị quảng cáo dựa trên phân tích dữ liệu về người dùng;</i></p> <p><i>c) Cho phép người sử dụng tháo gỡ cài đặt bất kỳ ứng dụng nào được cài đặt sẵn mà không ảnh hưởng đến các tính năng kỹ thuật cơ bản để giúp hệ thống vận hành bình thường;</i></p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><i>trách độc lập giám sát việc tuân thủ trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin quy định tại Luật này với Bộ Thông tin và Truyền thông;</i></p> <p><i>đ) Công bố công khai và phổ biến bộ quy tắc ứng xử áp dụng đối với các bên liên quan tham gia sử dụng hệ thống.</i></p>	<p>d) Bổ trí và thông báo nhân viên chuyên trách độc lập giám sát việc tuân thủ trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin quy định tại Luật này với Bộ Thông tin và Truyền thông;</p> <p>đ) Công bố công khai và phổ biến bộ quy tắc ứng xử áp dụng đối với các bên liên quan tham gia sử dụng hệ thống.</p> <p><i>4. Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm của chủ quản nền tảng số trung gian tại khoản 2 và khoản 3 Điều này phù hợp với quy mô số lượng người sử dụng tại Việt Nam hoặc số lượng truy cập từ người sử dụng tại Việt Nam.</i></p>
	Bổ sung mới	<p><i>Điều 51. Trách nhiệm giám sát của cơ quan nhà nước</i></p> <p><i>1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì quản lý, ban hành quy định và tổ chức thực hiện giám sát hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn.</i></p> <p><i>2. Cơ quan có thẩm quyền giám sát theo</i></p>	<p><i>Điều 49. Trách nhiệm giám sát hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước</i></p> <p><i>1. Cơ quan nhà nước thực hiện giám sát bằng phương tiện điện tử đối với hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử hoạt động trực tuyến trong lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</i></p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><u>khoản 1 Điều này thực hiện giám sát trực tuyến đối với hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử hoạt động trực tuyến.</u></p> <p>3. Bộ Thông tin và Truyền thông thiết lập, vận hành hệ thống <u>thông tin tiếp nhận thông báo, báo cáo; là đầu mối tổng hợp thông tin, số liệu về giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật; chủ trì xây dựng, ban hành hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật, mô hình tham chiếu kết nối phục vụ giám sát trực tuyến.</u></p>	<p>2. Bộ Thông tin và Truyền thông thiết lập, vận hành hệ thống tiếp nhận thông tin; tổng hợp thông tin <u>phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử của các cơ quan nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của Chính phủ; chủ trì xây dựng, ban hành hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn; yêu cầu về định danh thiết bị, yêu cầu kỹ thuật về mô hình tham chiếu kết nối phục vụ giám sát bằng phương tiện điện tử, tiêu chí tín nhiệm mạng của hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử.</u></p>
		<p>Điều 52. Biện pháp bảo vệ giao dịch điện tử</p> <p>1. Tùy theo tính chất, mức độ của vi phạm Điều 8 quy định <u>tại</u> Luật này, cơ quan có thẩm quyền được tiến hành một trong các biện pháp sau để hạn chế, bảo vệ giao dịch điện tử:</p>	

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p>a) Yêu cầu xóa bỏ, truy cập xóa bỏ dữ liệu xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức;</p> <p>b) Ngăn chặn, hạn chế hoạt động của tên miền, hệ thống thông tin; đình chỉ, tạm đình chỉ hoặc yêu cầu ngừng hoạt động của hệ thống thông tin, nền tảng số; tạm dừng sử dụng khai thác tài nguyên Internet, tên miền, địa chỉ Internet (IP), số hiệu mạng (ASN);</p> <p>c) Biện pháp khác theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp bảo vệ giao dịch điện tử tại Điều này.</p>	
<p align="center">Chương VI <u>AN NINH, AN TOÀN, BẢO VỆ,</u> <u>BẢO MẬT TRONG GIAO DỊCH</u> <u>ĐIỆN TỬ</u></p>		<p align="center">Chương VII <i>AN TOÀN THÔNG TIN VÀ AN NINH</i> <i>MẠNG TRONG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ</i></p>	<p align="center">Chương VII AN TOÀN THÔNG TIN VÀ AN NINH MẠNG TRONG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ</p>
<p>Điều 44. Bảo đảm an ninh, an toàn trong giao dịch điện tử</p>	<p>Sửa đổi</p>	<p>Điều 53. Bảo đảm an toàn thông tin mạng và an ninh mạng</p>	<p>Điều 50. Bảo đảm an toàn thông tin mạng và an ninh mạng</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân <u>có quyền lựa chọn các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn phù hợp với quy định của pháp luật khi tiến hành giao dịch điện tử.</u></p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tiến hành giao dịch điện tử có trách nhiệm thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm sự hoạt động thông suốt của hệ thống thông tin thuộc quyền kiểm soát của mình; trường hợp gây ra lỗi kỹ thuật của hệ thống thông tin làm thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được thực hiện bất kỳ hành vi nào nhằm cản trở hoặc gây phương hại đến việc bảo đảm an ninh, an toàn trong giao dịch điện tử.</p>		<p>Cơ quan, tổ chức, cá nhân <i>tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng và an ninh mạng</i> khi tiến hành các <i>hoạt động</i> giao dịch điện tử.</p>	<p>Cơ quan, tổ chức, cá nhân tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng và an ninh mạng khi tiến hành các giao dịch điện tử.</p>
<p>Điều 45. Bảo vệ thông điệp dữ liệu <u>Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được thực hiện bất kỳ hành vi nào gây phương hại đến sự toàn vẹn của thông điệp dữ liệu của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.</u></p>	<p>Sửa đổi</p>	<p>Điều 54. Bảo vệ thông điệp dữ liệu <u>1. Thông điệp dữ liệu được phân loại và bảo đảm an toàn thông tin mạng dựa trên mức độ quan trọng.</u></p>	<p>Điều 51. Bảo vệ thông điệp dữ liệu</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p>2. Thông điệp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và cơ yếu.</p> <p>3. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông:</p> <p>a) Phối hợp với các bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu;</p> <p>b) Tổ chức đánh giá rủi ro, giám sát và cảnh báo sớm về an toàn thông điệp dữ liệu;</p> <p>c) Điều phối quốc gia công tác ứng cứu khẩn cấp sự cố mất an toàn thông tin mạng đối với thông điệp dữ liệu.</p> <p>4. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước:</p> <p>a) Phân loại, xác định danh mục thông điệp dữ liệu <u>theo mức độ quan trọng</u> và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu theo quy định;</p> <p>b) Trong trường hợp ủy thác cho doanh nghiệp xây dựng và vận hành hệ thống lưu</p>	<p>1. Thông điệp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và cơ yếu.</p> <p>2. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông:</p> <p>a) Phối hợp với các bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu;</p> <p>b) Tổ chức đánh giá rủi ro, giám sát và cảnh báo sớm về an toàn thông điệp dữ liệu;</p> <p>c) Điều phối quốc gia công tác ứng cứu khẩn cấp sự cố mất an toàn thông tin mạng đối với thông điệp dữ liệu.</p> <p>3. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước:</p> <p>a) Phân loại, xác định danh mục thông điệp và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu theo quy định;</p> <p>b) Trong trường hợp ủy thác cho doanh nghiệp xây dựng và vận hành hệ thống lưu trữ và xử lý thông điệp dữ liệu, cơ quan nhà nước</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><i>trữ và xử lý thông điệp dữ liệu, cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm giám sát bên được ủy thác thực hiện các nghĩa vụ bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu.</i></p> <p><i>5. Trách nhiệm của bên xử lý dữ liệu:</i></p> <p><i>a) Thiết lập hệ thống bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu toàn trình, áp dụng các biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu theo quy định;</i></p> <p><i>b) Thông báo kịp thời cho người dùng về sự cố mất an toàn thông điệp dữ liệu và báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định;</i></p> <p><i>c) Tuân thủ quy định của pháp luật về xử lý dữ liệu, chỉ định người phụ trách bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu và thiết lập bộ phận chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu.</i></p>	<p>chịu trách nhiệm giám sát bên được ủy thác thực hiện các nghĩa vụ bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu.</p> <p>4. Trách nhiệm của bên xử lý dữ liệu:</p> <p>a) Thiết lập hệ thống bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu toàn trình, áp dụng các biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu theo quy định;</p> <p>b) Thông báo kịp thời cho người dùng về sự cố mất an toàn thông điệp dữ liệu và báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định;</p> <p>c) Tuân thủ quy định của pháp luật về xử lý dữ liệu, chỉ định người phụ trách bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu và thiết lập bộ phận chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu.</p>
<p><u>Điều 46. Bảo mật thông tin trong giao dịch điện tử</u></p> <p><u>1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn các biện pháp bảo mật phù hợp với quy định của pháp luật khi tiến hành giao dịch điện tử.</u></p>	<p>Lược bỏ</p>		

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng, cung cấp hoặc tiết lộ thông tin về bí mật đời tư hoặc thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà mình tiếp cận hoặc kiểm soát được trong giao dịch điện tử nếu không được sự đồng ý của họ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</u></p>			
<p><u>Điều 47. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ mạng</u></p> <p><u>1. Tổ chức cung cấp dịch vụ mạng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng quy chế quản lý và các biện pháp kỹ thuật để phòng ngừa, ngăn chặn việc sử dụng dịch vụ mạng nhằm phát tán các thông điệp dữ liệu có nội dung không phù hợp với truyền thống văn hoá, đạo đức của dân tộc, gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật.</u></p> <p><u>2. Tổ chức cung cấp dịch vụ mạng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu không kịp thời loại bỏ những thông điệp dữ liệu được quy định tại khoản 1 Điều này khi tổ chức cung cấp dịch vụ mạng</u></p>	Lược bỏ		

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<u>đó đã nhận được thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u>			
<p><u>Điều 48. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</u></p> <p><u>1. Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân có các trách nhiệm sau đây:</u></p> <p>a) <u>Lưu giữ một thông điệp dữ liệu nhất định, bao gồm cả việc di chuyển dữ liệu đến một hệ thống máy tính khác hoặc nơi lưu giữ khác;</u></p> <p>b) <u>Duy trì tính toàn vẹn của một thông điệp dữ liệu nhất định;</u></p> <p>c) <u>Xuất trình hoặc cung cấp một thông điệp dữ liệu nhất định bao gồm cả mật mã và các phương thức mã hóa khác mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đó có hoặc đang kiểm soát;</u></p> <p>d) <u>Xuất trình hoặc cung cấp thông tin về người sử dụng dịch vụ trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu là người cung cấp dịch vụ có quyền kiểm soát thông tin đó;</u></p> <p>đ) <u>Các trách nhiệm khác theo quy định</u></p>	Lược bỏ		

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p><u>của pháp luật.</u></p> <p><u>2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về yêu cầu của mình.</u></p>			
<p><u>Điều 49. Quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</u></p> <p><u>1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có các quyền sau đây:</u></p> <p><u>a) Tìm kiếm hoặc thực hiện các hình thức truy cập đối với một phần hoặc toàn bộ hệ thống máy tính và các thông điệp dữ liệu trong hệ thống đó;</u></p> <p><u>b) Thu giữ toàn bộ hoặc một phần hệ thống máy tính;</u></p> <p><u>c) Sao chép và lưu giữ bản sao của một thông điệp dữ liệu;</u></p> <p><u>d) Ngăn cản việc truy cập vào một hệ thống máy tính;</u></p> <p><u>đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>2. Khi thực hiện các quyền quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình.</u></p>	Lược bỏ		
<u>Chương VII</u>			

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<u>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ XỬ LÝ VI PHẠM</u>			
<p><u>Điều 50. Xử lý vi phạm pháp luật về giao dịch điện tử</u></p> <p><u>1. Người có hành vi vi phạm pháp luật về giao dịch điện tử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>2. Cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật trong giao dịch điện tử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, đình chỉ hoạt động, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</u></p>	Lược bỏ		
<p><u>Điều 51. Tranh chấp trong giao dịch điện tử</u></p> <p><u>Tranh chấp trong giao dịch điện tử là tranh chấp phát sinh trong quá trình giao dịch bằng phương tiện điện tử.</u></p>	Lược bỏ		
<p><u>Điều 52. Giải quyết tranh chấp trong giao dịch điện tử</u></p> <p><u>1. Nhà nước khuyến khích các bên có tranh chấp trong giao dịch điện tử giải</u></p>	Lược bỏ		

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
<p>quyết thông qua hòa giải.</p> <p>2. Trong trường hợp các bên không hòa giải được thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp về giao dịch điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>			
<p style="text-align: center;">Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>		<p style="text-align: center;">Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	<p style="text-align: center;">Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>
	<p>Bổ sung mới</p>	<p><u>Điều 55. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục IV của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15</u></p> <p>Sửa đổi, bổ sung ngành nghề số thứ tự 119 của Phụ lục 4 Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện như sau: “119. Kinh doanh dịch vụ tin cậy”</p>	<p><u>Điều 52. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan</u></p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung mục 119 thuộc Phụ lục IV - Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15 và Luật số 08/2022/QH15 như sau:</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; display: inline-block;">119 Kinh doanh dịch vụ tin cậy</div> <p>2. Thay thế cụm từ “chữ ký số chuyên dùng Chính phủ” bằng cụm từ “chữ ký số chuyên</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
			<p>dùng công vụ” tại Điều 49 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019.</p> <p>3. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 7 mục VI. Phí thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông trong Danh mục Phí, Lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 như sau: “Phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số” thành “Phí dịch vụ duy trì hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy”.</p> <p>4. Thay thế cụm từ “hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng” bằng cụm từ “hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ” tại khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2015.</p>
	Bổ sung mới	<p>Điều 56. Quy định chuyển tiếp</p> <p>1. Giao dịch điện tử được xác lập và đang thực hiện trước thời điểm Luật này có hiệu lực thì chủ thể giao dịch tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật Giao dịch</p>	<p>Điều 53. Quy định chuyển tiếp</p> <p>1. Giao dịch điện tử được xác lập và đang thực hiện trước thời điểm Luật này có hiệu lực thì chủ thể giao dịch tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật Giao dịch điện tử</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SỐ SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><i>điện tử số 51/2005/QH11 cho đến khi kết thúc giao dịch đó, trừ trường hợp các bên thống nhất lựa chọn áp dụng theo các quy định của Luật này.</i></p> <p><i>2. Các Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng đã được cấp phép và đang cung cấp dịch vụ, các Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn tiếp tục cung cấp dịch vụ đến khi hết thời hạn hiệu lực của giấy phép, giấy chứng nhận.</i></p>	<p>số 51/2005/QH11 cho đến khi kết thúc giao dịch đó, trừ trường hợp các bên thống nhất lựa chọn áp dụng theo các quy định của Luật này.</p> <p>2. Các Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng đã được cấp phép và đang cung cấp dịch vụ, các Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn tiếp tục cung cấp dịch vụ đến khi hết thời hạn hiệu lực của giấy phép, giấy chứng nhận.</p> <p>3. Giấy xác nhận đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử đã cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2027.</p>
<p>Điều 53. Hiệu lực thi hành Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2006.</p>	<p>Sửa đổi</p>	<p>Điều 57. Hiệu lực thi hành 1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ... 2. Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 hết hiệu lực thi</p>	<p>Điều 55. Hiệu lực thi hành 1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2024.</p>

Luật Giao dịch điện tử năm 2005	SO SÁNH	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (Tờ trình số 363/TTr-CP ngày 03/10/2022)	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) Phiên bản ngày 10/4/2023
		<p><i>hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.</i></p> <p><i>3. Bãi bỏ các quy định tại Điều 58 về Cơ sở dữ liệu quốc gia và Điều 59 về Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương của Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006.</i></p>	<p>2. Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.</p> <p>3. Bãi bỏ các quy định tại Điều 58 về Cơ sở dữ liệu quốc gia và Điều 59 về Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương của Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006.</p>
<p><u>Điều 54. Hướng dẫn thi hành</u> <u>Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.</u> <u>Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.</u></p>	<p>Lược bỏ</p>		